

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ HÀ THANH

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HOÀNG LỘC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ HÀ THANH

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HOÀNG LỘC**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. HÀ THỊ THÚY VÂN

HÀ NỘI - 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là: **Phạm Thị Hà Thanh**

Lớp : CHKT 4C

Mã học viên:

Sau quá trình nghiên cứu, khảo sát tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc tôi đã chọn lựa đề tài luận văn: **“Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc”**

Tôi xin cam đoan:

- Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi.
- Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.
- Mọi số liệu trong đề tài đều được sự cho phép của Công ty mà tôi khảo sát.

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

Học viên

Phạm Thị Hà Thanh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	IV
DANH MỤC BẢNG BIỂU SƠ ĐỒ.....	V
CHƯƠNG I TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI.....	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2. Tổng quan nghiên cứu đề tài.....	2
1.3. Mục tiêu nghiên cứu đề tài.....	4
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	4
1.5. Câu hỏi nghiên cứu.....	5
1.6. Phương pháp nghiên cứu.....	5
1.7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	6
1.8. Kết cấu của luận văn.....	7
CHƯƠNG II LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	8
2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	8
2.2. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm....	10
2.2.1. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất.....	10
2.2.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm.....	15
2.3. Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính.....	19
2.3.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	19
2.3.2. Kế toán chi phí sản xuất theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam.....	21
2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất theo chế độ kế toán hiện hành.....	26

2.4 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên phương diện kế toán quản trị	32
CHƯƠNG III THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG LỘC	38
3.1. Khái quát chung về công ty	38
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc.....	38
3.1.2. Đặc điểm tổ chức tại Công ty	39
3.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	42
3.2. Thực trạng kế toán tại công ty	46
3.2.1. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	46
3.2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc dưới góc độ kế toán tài chính.....	50
3.2.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất dưới góc độ kế toán quản trị	63
3.2.4. Thực trạng giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty	64
CHƯƠNG IV GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG LỘC	66
4.1. Đánh giá thực trạng của công ty	66
4.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán tại Công ty	66
4.1.2. Những tồn tại.....	67
4.2. Yêu cầu về việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	69
4.3. Giải pháp hoàn thiện	72
4.3.1. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính.....	72

III

4.3.2. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị.....	79
4.4. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc.....	86
4.4.1. Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng.....	86
4.4.2. Đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc	88
4.5. Những hạn chế trong khi nghiên cứu đề tài.....	89
4.6. Những đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai	90
KẾT LUẬN.....	91
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

XD	Xây dựng
TSCĐ	Tài sản cố định
DN	Doanh nghiệp
DNXL	Doanh nghiệp xây lắp
CPSX	Chi phí sản xuất
TS	Tài sản
XDCB	Xây dựng cơ bản
CT	Công trình
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPNVL	Chi phí nguyên vật liệu
KL	Khối lượng
DDĐK	Dỡ dang đầu kỳ
QĐ	Quyết định
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
BCTC	Báo cáo tài chính
CCDC	Công cụ dụng cụ
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
TT	Thông tư
HMCT	Hạng mục công trình

DANH MỤC BẢNG BIỂU SƠ ĐỒ

Sơ đồ 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty CP xây dựng Hoàng lộc.....	45
Sơ đồ 3.2. Cơ cấu tổ chức phòng Kế toán- Tài chính	48
Sơ đồ 3.3. Trình tự ghi sổ Nhật ký chung khi áp dụng kế toán máy của công ty cổ phần xây dựng hoàng Lộc.....	50
Sơ đồ 3.4. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP xây dựng Hoàng Lộc	56
Sơ đồ 3.5. Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp tại công ty CP xây dựng Hoàng Lộc.....	58
Sơ đồ 3.6. Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty CP xây dựng Hoàng Lộc.....	60
Sơ đồ 3.7. Sơ đồ hạch toán tài khoản 623.....	61
Bảng 4.1. Bảng tổng hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp	81
Bảng 4.2. Bảng phân loại CP theo cách ứng xử của chi phí.....	83
Bảng 4.3. Bảng báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	89
Bảng 4.4. Bảng báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo khoản mục ...	90

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Để quản lý một cách có hiệu quả đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hay sản xuất dịch vụ của một doanh nghiệp nói riêng, nền kinh tế quốc dân của một nước nói chung đều cần phải sử dụng các công cụ quản lý khác nhau và một trong những công cụ quản lý không thể thiếu được đó là kế toán.

Các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết và cạnh tranh quyết liệt, khi quyết định lựa chọn phương án sản xuất một loại sản phẩm nào đó đều cần phải tính đến lượng chi phí bỏ ra ít nhất để sản xuất tạo ra sản phẩm và lợi nhuận thu được cao nhất khi tiêu thụ sản phẩm. Điều đó, có nghĩa doanh nghiệp phải tập hợp đầy đủ và chính xác chi phí sản xuất. Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu chất lượng quan trọng phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất. Giá thành sản phẩm thấp hay cao, giảm hay tăng thể hiện kết quả của việc quản lý vật tư, lao động, tiền vốn. Điều này phụ thuộc vào quá trình tập hợp chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

Cùng với sự đổi mới, phát triển chung của nền kinh tế, với chính sách mở cửa, sự đầu tư của nước ngoài và để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá các Doanh nghiệp xây lắp đã có sự chuyển biến, đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh, phương thức quản lý, không ngừng phát triển và khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong nền KTQD. Tuy nhiên trong các Doanh nghiệp xây lắp hiện nay, công tác kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng còn bộc lộ những tồn tại chưa đáp ứng yêu cầu quản lý và quy trình hội nhập. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nhằm phản ánh đúng chi phí, làm cơ sở cho việc tính toán chính xác giá thành sản

phẩm xây lắp, cung cấp thông tin phục vụ cho việc điều hành, kiểm tra chi phí và hoạch định chiến lược của Doanh nghiệp là nhu cầu cần thiết.

Chính vì thế kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hai quá trình liên tục, có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thông qua chỉ tiêu về chi phí và giá thành sản phẩm các nhà quản lý sẽ tìm được nguyên nhân làm tăng chi phí dẫn đến tăng giá thành sản phẩm và từ đó tìm ra biện pháp khắc phục để hạ giá thành sản phẩm.

Công ty cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc là một doanh nghiệp lớn với lịch sử phát triển gần 20 năm hoạt động trong nhiều lĩnh vực như: Công nghệ (xây lắp), đầu tư và dịch vụ. Do đó có thể nói việc hạch toán chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm là phần hành kế toán quan trọng nhất trong tổ chức kế toán tại doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu thực tế, tôi nhận thấy rằng công tác kế toán chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty có nhiều điều chưa hợp lý cần phải hoàn thiện. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài :” Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc” cho bài tốt nghiệp của mình.

1.2. Tổng quan nghiên cứu đề tài

Nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp nên rất nhiều luận văn thạc sỹ của các trường Đại học bàn về vấn đề này. Trong số đó, có thể kể đến một số tác phẩm của một số tác giả sau:

Đề tài luận văn thạc sỹ năm 2013 của tác giả Nguyễn Ngọc Quỳnh: "Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long" đã phân tích rất chi tiết những lý thuyết cơ bản xung quanh vấn đề tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo góc độ kế toán tài chính. Tuy nhiên, phần thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo góc độ kế toán quản trị và đưa ra

một số giải pháp về chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung theo góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Cách tiếp cận hai góc độ này của tác giả còn rời rạc, chưa chặt chẽ, trình bày riêng rẽ chưa đan xen kết hợp với nhau để thấy được sự khác biệt.

- Đề tài luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp tại công ty cổ phần tập đoàn Hà Đô” của tác giả Đỗ Đức Tài- K 18 Trường đại học Kinh tế quốc dân. Trong bài viết, ngoài việc quan sát dưới góc độ kế toán tài chính tác giả còn đưa ra được những quan điểm của kế toán quản trị, xây dựng được những điều kiện cần thiết để thực hiện giải pháp. Tuy nhiên, đề tài vẫn có những hạn chế nhất định đó là tính chứng thực của thực tế đối với những giải pháp. Đây cũng là khó khăn chung của các đề tài thuộc lĩnh vực được đề cập

Luận văn thạc sĩ năm 2014 của tác giả Lê Thị Hương: “ Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Đồng thời đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu trên còn khái quát được kinh nghiệm của một số nước trên thế giới cũng như của chuẩn mực kế toán quốc tế liên quan đến những vấn đề về doanh thu, chi phí để từ đó rút ra sự khác biệt giữa các nước và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

- Phản ánh thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các công ty xây lắp cụ thể. Qua đó, rút ra được những thành công và hạn chế của công tác kế toán ở các đơn vị được khảo sát. Trên cơ sở đó, các công trình nghiên cứu trên đã đưa ra được một số các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại các công ty xây lắp nói riêng và của toàn ngành xây lắp nói chung, ở cả hai phía: công ty và nhà nước.

Các công trình nghiên cứu trên đã đạt được nhiều thành tựu, có nhiều ý kiến đóng góp quý báu cho công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các đơn vị được khảo sát nói riêng và của ngành xây lắp nói chung. Tuy nhiên, Trong luận văn, tác giả viết bao quát, đề cập đến nhiều khía cạnh, nhiều vấn đề nên phần hoàn thiện mang nhiều lý luận, chưa xác thực; cụ thể như phần hoàn thiện về chi phí bảo hành chưa sát với nghiệp xây lắp, nó như là hoàn thiện chi phí bảo hành sản phẩm cho doanh nghiệp thông thường...

1.3.Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Luận văn góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc.

Trên cơ sở nghiên cứu rút ra được những ưu điểm, nhược điểm về việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc

Từ đó đề xuất các giải pháp để khắc phục những tồn tại và đưa ra kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Việc xác định đối tượng kế toán chi phí (phân xưởng, ỏ xây lắp) hoặc nơi chịu chi phí (công trình, hạng mục công trình...). Xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức tập hợp chi phí cũng như đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc xác lập giá thành sản phẩm xây lắp. Vì vậy đây là công việc đầu tiên và quan trọng nhất của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn : Chỉ nghiên cứu những vấn đề về chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp, không nghiên cứu về lĩnh vực sản xuất sản phẩm theo quy trình công nghệ (VD: Sản xuất thép, xi măng).

1.5.Câu hỏi nghiên cứu

- Đặc điểm hoạt động xây lắp ảnh hưởng như thế nào đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm?
- Bản chất, nội dung kinh tế của chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp?
- Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị?
- Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty xây dựng đô thị như thế nào? Ưu điểm và tồn tại gì?
- Cần có những giải pháp nào để hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc?

1.6.Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu hoàn thành luận văn này, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập dữ liệu: Mô tả các phương pháp sử dụng để thu thập dữ liệu nghiên cứu, cụ thể gồm:
 - + Phương pháp nghiên cứu tài liệu: để thu thập các thông tin, hệ thống lý luận chung về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính không đi nghiên cứu về công tác kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp, tác giả nghiên cứu các quy định, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp xây lắp, tham khảo các công trình nghiên cứu khoa học, tra cứu các văn bản pháp luật, các bài viết về kinh tế xã hội....Sau đó tìm ra vấn đề mới mà công trình nghiên cứu khoa học chưa đề cập, lựa chọn những thông tin hữu ích vào đề tài nghiên cứu
 - +Phương pháp quan sát: Nhằm tiếp cận trực tiếp, theo dõi các hoạt động, thao tác làm việc của các nhân viên trong DN để có thể hiểu quy trình kế toán chi phí xây dựng tại DN. Tác giả đến điều tra tại công trình doanh nghiệp khảo

sát đang thi công; quan sát môi trường làm việc, quan sát việc giải quyết các mối quan hệ trong doanh nghiệp...

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu là phương pháp thu thập thông tin trong đó người đi thu thập thông tin phải liên hệ với những bộ phận liên quan để xin những tài liệu cần thiết, ở đây chủ yếu là bộ phận kế toán của công ty. Nghiên cứu tài liệu viết giống như việc quan sát hệ thống một cách gián tiếp. Thông qua việc nghiên cứu tài liệu viết mà có được hình dung tổng quan về hệ thống. Tác giả đọc và tìm hiểu luật xây dựng, luật đấu thầu, các văn bản, nghị định hướng dẫn về đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu xây lắp,....thu thập và nghiên cứu về quy định tổ chức công tác kế toán, quy trình hạch toán, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán của doanh nghiệp,.....ngoài ra tìm hiểu một số công trình nghiên cứu trước đó về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích dữ liệu: tổng hợp kết quả khảo sát, khái quát thành nhóm các vấn đề, để mô tả thực trạng theo nhóm các vấn đề đã khái quát đó: phân tích dữ liệu đã thu thập được đưa ra các thông tin, các kết luận phù hợp. Phân tích đánh giá vấn đề nghiên cứu. Ghi chép, thống kê, đưa vào luận văn các số liệu thu thập được và so sánh với các chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán hiện hành.

1.7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Trên phương diện lý luận: Luận văn đã tổng hợp được cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp xây lắp.

- Trên phương diện thực tiễn: Thông qua việc phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc, luận văn đã giúp cho Công ty nhận thấy được mặt mạnh và điểm yếu trong công tác kế toán, từ đó nhà quản trị và bộ phận kế toán sẽ có những điều chỉnh trong tương lai cho phù hợp. Đồng thời, một số giải pháp hoàn thiện được đề xuất trong luận văn, Công ty có thể tham khảo và áp dụng tại đơn vị mình sao

cho có hiệu quả nhất, góp phần thực hiện đúng đắn quy định của nhà nước, nâng cao chất lượng thông tin kế toán.

1.8. Kết cấu của luận văn

Kết cấu luận văn gồm 4 phần:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu của đề tài

Chương 2 : Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Chương 3:Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc.

Chương 4 : Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc

CHƯƠNG II

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Do tính chất ngành XD/CB là ngành sản xuất vật chất, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, cải tạo, đổi mới cơ sở hạ tầng nhưng sản phẩm lại mang những đặc điểm riêng biệt so với sản phẩm của các ngành khác. Vì vậy tổ chức hạch toán ở các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp phải dựa trên những đặc điểm chính của nó. Sản phẩm xây lắp có những đặc điểm sau:

Sản phẩm xây lắp là các công trình hạng mục, công trình kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian thi công kéo dài và phân tán.... Vì vậy trong khi tiến hành xây lắp, sản phẩm dự định đều phải qua các khâu từ dự án rồi đến dự toán công trình. Dự toán công trình là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư công trình được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật. Để đảm bảo việc quản lý từng công trình, nhất thiết phải lập dự toán thiết kế và dự toán thi công. Điều này giúp cho các doanh nghiệp xây lắp có thể hạch toán tương đối chính xác giá trị công trình, từ đó lên kế hoạch về tài chính cũng như việc tổ chức kế toán quản trị, giám sát việc chi tiêu, tránh thất thoát lãng phí vốn đầu tư.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất, còn tất cả các điều kiện sản xuất như xe máy, lao động, vật tư.... đều phải di chuyển theo địa điểm của công trình xây lắp. Đặc điểm này làm tăng chi phí di chuyển và công tác quản lý vật tư, con người sẽ gặp khó khăn. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp xây lắp phải tăng cường tính cơ động về mặt trang bị tài sản cố định sản xuất, lựa chọn các hình

thức sản xuất kinh hoạt nhằm tối thiểu hóa chi phí. Trong quá trình thi công sẽ phát sinh chi phí điều động công nhân, điều động máy móc thiết bị, chi phí chuẩn bị mặt bằng, dọn mặt bằng tập kết vật liệu và máy thi công ...nên kế toán phải theo dõi chi tiết, chính xác các khoản chi phí này và phân bổ cho các đối tượng phù hợp để đảm bảo tính chặt chẽ và mang lại hiệu quả cao trong quản lý.

Sản phẩm xây lắp hoàn thành không nhập kho mà lại tiêu thụ ngay theo giá dự toán (giá thanh toán với chủ đầu tư bên A) hoặc giá thoả thuận (cũng được xác định trên dự toán công trình), do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp không được thể hiện rõ. Thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp lâu, đòi hỏi việc tổ chức quản lý và hạch toán phải chặt chẽ, đảm bảo chất lượng công trình và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình.

Thông thường công tác xây lắp do các đơn vị kinh doanh xây lắp nhận thầu và chỉ được tiến hành sản xuất sau khi có đơn đặt hàng (hợp đồng giao thầu) của chủ đầu tư (người giao thầu, người mua sản phẩm) nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công là khác nhau giữa các công trình. Công trình thi công ở các địa điểm khác nhau với điều kiện thi công khác nhau thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của mỗi công trình cũng khác nhau nên kế toán phải tính chi phí giá thành và kết quả thi công cho từng công trình riêng biệt.

Hoạt động xây lắp thường tiến hành ngoài trời, chịu tác động trực tiếp và ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, do đó việc thi công xây lắp có tính thời vụ và có nhiều rủi ro làm phát sinh các khoản thiệt hại phải làm lại hoặc ngừng sản xuất, những khoản thiệt hại này đòi hỏi doanh nghiệp xây lắp phải hạch toán riêng, phải giám sát chặt chẽ và hạch toán phù hợp.

Từ những đặc điểm trên đây, đòi hỏi công tác kế toán vừa phải đáp ứng những yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán một Doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp đặc trưng riêng của ngành XD/CB nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, cố vấn lãnh đạo cho việc tổ chức quản lý để đạt hiệu quả cao trong sản xuất - kinh doanh của Doanh nghiệp.

2.2. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.2.1. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất

*** Khái niệm chi phí sản xuất:**

Để tiến hành hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp cần tiêu hao các nguồn lực (tài sản, nhân công). Quá trình tiêu dùng các nguồn lực đồng thời là quá trình phát sinh các chi phí. Khi đó, doanh nghiệp cần ba yếu tố cơ bản: tư liệu lao động, đối tượng lao động và lực lượng lao động. Mọi chi phí đều được biểu hiện dưới dạng giá trị, trong đó chi phí về tiền công là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động sống, còn chi phí về nguyên vật liệu, nhiên liệu, điện nước, chi phí về khấu hao tài sản...là biểu hiện bằng tiền của lao động vật hóa. Chi phí hoạt động của doanh nghiệp phát sinh trong tất cả giai đoạn của sản xuất nhưng chỉ có các chi phí phát sinh trong giai đoạn biến đổi yếu tố đầu vào thành các sản phẩm, dịch vụ mới gọi là chi phí sản xuất.

Theo ủy ban tiêu chuẩn Kế toán quốc tế (IASC) : Chi phí là sự giảm đi của các lợi ích kinh tế trong một kỳ kế toán dưới các hình thức mất đi hoặc giảm giá trị của tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ, chi phí sẽ làm giảm vốn của chủ sở hữu ngoại trừ các khoản giảm do phân phối cho chủ sở hữu.

Quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp là quá trình biến đổi một cách có ý thức, có mục đích các yếu tố đầu vào tạo thành sản phẩm đó là những công trình, hạng mục công trình, các sản phẩm, lao vụ dịch vụ, phục vụ cho nền kinh tế quốc dân.

Các yếu tố đầu vào đó là các tư liệu lao động, đối tượng lao động, dưới sự tác động của lao động qua quá trình biến đổi tạo thành các sản phẩm công trình, hạng mục công trình... Để đo lường các hao phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong từng hoạt động kinh doanh, tổng hợp và xác định kết quả đầu vào phục vụ cho quá trình quản lý mọi hao phí đều được biểu hiện bằng thước đo tiền tệ gọi là chi phí sản xuất kinh doanh.

Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như : giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như : chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

Trong doanh nghiệp xây lắp, để làm ra các công trình có kết cấu và thiết kế kiến trúc đã được đặt hàng bởi chủ đầu tư thì doanh nghiệp xây lắp phải hao tổn các chi phí về vật liệu, nhân công, máy móc thiết bị... và khi công trình hoàn thành được chủ đầu tư thanh toán.

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất trên góc độ kế toán tài chính

*** Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí**

Theo cách phân loại này các chi phí nội dung, tính chất kinh tế giống nhau được xếp vào một yếu tố, không phân biệt chi phí đó phát sinh trong lĩnh vực nào, ở đâu, mục đích và tác dụng của chi phí đó như thế nào.

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố sau đây.

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ các chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, thiết bị XD CB... mà doanh nghiệp đã sử dụng cho hoạt động sản xuất trong kỳ như: Xi măng, sắt, thép, cát, đá, các loại dầu mỡ vận hành máy móc...

- Chi phí nhân công: Bao gồm toàn bộ số tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương của các công nhân sản xuất trong kỳ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp trích khấu hao cho tất cả các loại TSCĐ tham gia hoạt động xây lắp như : các loại máy thi công (máy vận thăng, máy cầu...), nhà xưởng, phương tiện vận chuyển...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là toàn bộ số tiền DN đã chi trả về các loại dịch vụ mua ngoài: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại... phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Là toàn bộ các chi phí dùng cho hoạt động sản xuất ngoài chi phí kể trên.

Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí giúp nhà quản lý biết được kết cấu tỷ trọng từng loại chi phí trong tổng chi phí qua đó đánh giá được tình hình thực hiện dự toán chi phí. Hơn nữa, cách phân loại này còn là cơ sở để lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố trên Bảng thuyết minh báo cáo tài chính, xây dựng định mức Vốn lưu động, lập kế hoạch mua sắm vật tư, tổ chức lao động tiền lương, thuê máy thi công...

*** Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng của chi phí**

Theo cách phân loại này, căn cứ vào mục đích và công dụng của chi phí trong sản xuất để chia ra các khoản mục chi phí khác nhau, mỗi khoản mục chi phí bao gồm những chi phí có cùng mục đích và công dụng.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Gồm toàn bộ trị giá nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho thi công công trình mà đơn vị xây lắp bỏ ra (vật liệu chính, vật liệu phụ, cấu kiện bê tông chế sẵn...) chi phí này không bao gồm thiết bị do chủ đầu tư bàn giao.

- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm toàn bộ tiền lương chính, lương phụ và phụ cấp của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân vận chuyển vật liệu thi công, công nhân làm nhiệm vụ bảo dưỡng, dọn dẹp trên công trường.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Gồm chi phí trực tiếp liên quan đến việc sử dụng máy thi công để thực hiện công tác xây dựng và lắp đặt các CT, HMCT bao gồm: Tiền lương công nhân điều khiển máy, nhiên liệu, khấu hao máy thi công,...v.v...

- Chi phí sản xuất chung: Bao gồm các chi phí có liên quan đến tổ, đội xây lắp, tức là liên quan đến nhiều CT, HMCT. Nội dung của các khoản chi phí này bao gồm: lương công nhân sản xuất, lương phụ của công nhân sản xuất, khấu hao TSCĐ (không phải là khấu hao máy móc thi công), chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, văn phòng phẩm....), chi phí bằng tiền khác: Chi phí tiếp khách, nghiệm thu bàn giao công trình.

Các phân loại này phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất theo định mức, cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành sản phẩm và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, từ đó lập định mức chi phí sản xuất và kế hoạch giá thành cho kỳ sau.

Do đặc điểm của sản phẩm xây lắp và phương pháp lập dự toán trong XDCCB là dự toán được lập cho từng đối tượng theo các khoản mục giá hành nên cách phân loại chi phí theo khoản mục là phương pháp sử dụng phổ biến trong các DNXDCCB.

2.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trên góc độ kế toán quản trị

Trong kế toán quản trị, tùy thuộc vào nhu cầu quản lý, chi phí được phân loại theo cách thức sau:

*** Phân loại chi phí sản xuất theo chức năng hoạt động**

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được chia thành: Chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

- *Chi phí sản xuất*: là toàn bộ chi phí liên quan đến việc chế tạo sản phẩm hoặc dịch vụ trong một kỳ kinh doanh, bao gồm: CP NLVL trực tiếp, CP NCTT, CP sử dụng máy thi công, CP SXC.

- *Chi phí ngoài sản xuất*: đây là các chi phí phát sinh ngoài quá trình sản xuất sản phẩm liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hoặc phục vụ công tác quản lý chung toàn doanh nghiệp. Thuộc loại chi phí này gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Cách phân loại này giúp nhà quản lý xác định được trách nhiệm quản lý của nhà quản trị các bộ phận, xác định mức biến động chi phí ở từng bộ phận để tìm ra nguyên nhân và có những giải pháp khắc phục. Không những thế, cách phân loại này còn cung cấp thông tin cho việc lập dự toán chi phí theo từng bộ phận chức năng, làm cơ sở để xác định giá thành sản phẩm.

*** Phân loại chi phí sản xuất trong mối quan hệ với lợi nhuận xác định từng kỳ**

Theo cách phân loại này thì chi phí được chia thành: chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

- *Chi phí sản phẩm*: Chi phí sản phẩm bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất sản phẩm, do vậy các chi phí này kết hợp tạo nên giá trị của sản phẩm hình thành qua giai đoạn sản xuất. Trong doanh nghiệp xây lắp, CP sản phẩm bao gồm: CP NLVL trực tiếp, CP NCTT, CP sử dụng máy thi công, CP SXC. Khi sản phẩm xây lắp chưa được tiêu thụ thì chi phí sản phẩm sẽ nằm trên giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán. Khi sản phẩm xây lắp được tiêu thụ, chi phí sản phẩm xây lắp sẽ trở thành giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh

- *Chi phí thời kỳ*: là những CP phát sinh và ảnh hưởng đến trực tiếp đến lợi nhuận trong cùng một kỳ kế toán, thuộc loại CP này gồm: chi phí bán hàng, CP quản lý doanh nghiệp.

Phân loại chi phí trong mối quan hệ với lợi nhuận xác định từng kỳ là cơ sở để phân tích sự biến động chi phí qua các kỳ kinh doanh, đánh giá hiệu quả quản lý của các bộ phận và xác định chi phí phát sinh trong từng giai đoạn hoạt động của doanh nghiệp.

*** Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí**

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành: CP khả biến, CP bất biến, CP hỗn hợp.

- **Chi phí khả biến:** là các chi phí có sự thay đổi tỷ lệ với các mức độ hoạt động như CP NLVL trực tiếp, CP NCTT. Tổng chi phí khả biến sẽ tăng (hoặc giảm) tương ứng với sự tăng hoặc giảm của mức độ hoạt động, nhưng chi phí khả biến tính theo đơn vị của mức độ hoạt động thì không thay đổi.

- **Chi phí bất biến:** là những chi phí không có sự thay đổi theo các mức độ hoạt động đạt được. Thuộc loại chi phí này gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương nhân viên quản lý...

- **Chi phí hỗn hợp:** là những chi phí mà cấu thành nên nó bao gồm cả biến phí và định phí như chi phí điện, điện thoại... Ở một mức độ hoạt động cụ thể nào đó, chi phí hỗn hợp mang đặc điểm của chi phí bất biến, và khi mức độ hoạt động tăng lên, chi phí hỗn hợp sẽ biến đổi như đặc điểm của chi phí khả biến.

2.2.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm

*** Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp:**

Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định.

Giá thành sản phẩm xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động SXKD và quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Thông qua chỉ tiêu giá thành người ta có thể đánh giá được trình độ sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời thông qua chỉ tiêu giá thành người ta có thể đánh giá được trình độ hạch toán và mức tăng năng suất của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường, giá thành sản phẩm là yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến sức mạnh cạnh tranh của doanh nghiệp. Vì vậy, việc phấn đấu hạ giá thành là mục tiêu kinh tế hàng đầu của mỗi doanh nghiệp, mà muốn đạt được mục tiêu này mỗi doanh nghiệp cần phải tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm sản

xuất một cách khoa học, chính xác, kịp thời và đúng đối tượng, đúng chế độ quy định.

*** Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp:**

Trong XDCCB, giá thành sản phẩm thường được phân loại theo các tiêu thức sau đây.

Căn cứ vào thời điểm và cơ sở số liệu để tính giá thành, giá thành sản phẩm được phân loại thành:

- **Giá thành dự toán:** Là tổng chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp CT, HMCT được xác định trên cơ sở các định mức, các quy định của Nhà Nước và khung giá quy định theo từng vùng lãnh thổ.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành dự toán} \\ \text{của CT, HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{của CT, HMCT} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lãi định mức} \\ \end{array} \quad (2.1)$$

- **Giá thành kế hoạch:** Được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở một doanh nghiệp xây lắp nhất định, trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức và đơn giá dùng trong doanh nghiệp. Giá thành kế hoạch được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành dự toán} \\ \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khoản bù chênh lệch} \\ \text{vượt quá dự toán} \end{array} \quad (2.2)$$

Khoản bù chênh lệch vượt dự toán là các khoản bù phần chi phí chưa được tính đến trong dự toán.

- **Giá thành thực tế:** là biểu hiện bằng tiền của những chi phí thực tế để hoàn thành khối lượng xây lắp. Căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ, chi phí sản xuất được tập hợp trong kỳ. Giá thành sản phẩm bàn giao được xác định theo công thức.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực của KL} \\ \text{xây lắp HT} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CP thực tế} \\ \text{KL xây lắp} \\ \text{dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP thực tế} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} \quad (2.3)$$

(Nguồn tài liệu[13])

Muốn đánh giá được chất lượng của công tác xây lắp, ta phải tiến hành so sánh các loại giá thành với nhau. Để đảm bảo có lãi, về nguyên tắc khi xây dựng kế hoạch giá thành và tổ chức thực hiện kế hoạch giá thành phải đảm bảo mối quan hệ sau.

Giá thành thực tế \leq Giá thành kế hoạch $<$ Giá thành dự toán.

Căn cứ vào phạm vi tính giá thành, giá thành sản phẩm được phân loại thành:

- Giá thành sản phẩm hoàn chỉnh: Là giá thành của CT, HMCT đã hoàn thành đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo thiết kế, hợp đồng được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán.

- Giá thành công tác xây lắp hoàn thành quy ước: Là giá thành của khối lượng hoàn thành đến một giai đoạn nhất định và phải đảm bảo điều kiện.

+ Phải nằm trong thiết kế và đảm bảo chất lượng quy định.

+ Khối lượng phải được xác định một cách cụ thể, được Chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán

+ Phải đạt được đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

Đối tượng, kỳ tính giá và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành:

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành mà doanh nghiệp cần tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Đối với DNXL thì đối tượng tính giá thành thường là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành trong kỳ.

Kỳ tính giá thành: Là thời kỳ mà bộ phận kế toán giá thành tiến hành công việc tính giá thành cho đối tượng tính giá thành và nó phụ thuộc vào loại hình sản xuất của doanh nghiệp. Đối với DNXL do sản phẩm được SX theo từng đơn đặt hàng, thời gian thi công dài, giá trị công trình lớn nên kỳ tính giá thành thường là thời điểm nhà thầu và đơn vị chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu thanh toán.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành

Tính giá thành sản phẩm là giai đoạn quyết định của công tác hạch toán giá thành. Giá thành sản phẩm được tính dựa trên các yếu tố: Phương pháp tính giá thành, CPSX thực tế phát sinh, giá trị SP dở dang đầu kỳ và cuối kỳ hạch toán. Do đó, giá thành SP cũng phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

+ Nếu quy định thanh toán SPXL sau khi hoàn thành toàn bộ, giá thành SPXL hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng cộng các chi phí phát sinh đến khi hoàn thành công trình.

+ Nếu quy định thanh toán SPXL theo điểm dừng kỹ thuật, trong kỳ báo cáo có thể có một bộ phận công trình hay khối lượng công việc hay giai đoạn hoàn thành được chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu thanh toán. Khi đó, giá thành khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành và bàn giao trong kỳ được tính theo công thức sau đây:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng giá thành} & & \text{CPSX dở} & \text{CPSX phát} & \\ \text{SPXL hoàn} & = & \text{dang đầu} & \text{sinh trong} & \text{CPSX dở} \\ \text{thành} & & \text{kỳ} & \text{kỳ} & \text{dang cuối kỳ} \end{array} \quad (2.7)$$

2.3. Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính

2.3.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

2.3.1.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm. Như vậy, thực chất của việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí hay xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí.

Để xác định đúng đắn đối tượng kế toán tập hợp chi phí cần căn cứ vào các yếu tố sau đây.

- + Đặc điểm và công dụng của chi phí trong quá trình sản xuất.
- + Đặc điểm, cơ cấu tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ, chế tạo sản phẩm (giản đơn, liên tục hay song song...)
- + Loại hình sản xuất sản phẩm (Đơn chiếc hay hàng loạt...)
- + Yêu cầu kiểm tra, kiểm soát chi phí và yêu cầu hạch toán kế toán nội bộ Doanh nghiệp.
- + Khả năng trình độ quản lý nói chung và hạch toán nói riêng của Doanh nghiệp

2.3.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Đối với XDCCB, do phát sinh nhiều chi phí mà quá trình sản xuất lại phức tạp và sản phẩm mang tính đơn chiếc có quy mô lớn và thời gian sử dụng lâu dài. Mỗi CT lại bao gồm nhiều HMCT, nhiều công việc khác nhau nên có thể áp dụng phương pháp tập hợp chi phí sau:

- Phương pháp trực tiếp được áp dụng khi chi phí sản xuất có quan hệ trực tiếp với từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt. Phương pháp này đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép ban đầu theo đúng đối tượng, trên cơ sở đó kế toán tập hợp số liệu theo từng đối tượng liên quan và ghi trực tiếp vào sổ kế toán theo

đúng đối tượng. Phương pháp ghi trực tiếp đảm bảo việc hạch toán CPSX chính xác.

- Phương pháp phân bổ gián tiếp được áp dụng đối với chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất không thể tổ chức ghi chép ban đầu riêng rẽ theo từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt.

Để tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất cho các đối tượng có liên quan kế toán phải tiến hành theo trình tự sau:

- + Tổ chức ghi chép ban đầu (ghi chứng từ gốc) chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều đối tượng theo từng địa điểm phát sinh chi phí, từ đó tổng hợp số liệu trên chứng từ kế toán theo địa điểm phát sinh chi phí.

- + Chọn tiêu chuẩn phân bổ phù hợp với từng loại chi phí để tính toán, phân bổ chi phí sản xuất đã tổng hợp cho các đối tượng liên quan.

- + Xác định hệ số phân bổ (H)

$$H = \frac{C}{T_i}$$

Trong đó :

- C: Tổng chi phí sản xuất cần phân bổ

- T_i : Tiêu thức phân bổ của đối tượng i

- + Tính số chi phí phân bổ cho từng đối tượng (i)

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó: C_i Chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng i

Đại lượng tiêu chuẩn dùng để phân bổ (còn được gọi là đơn vị công) được lựa chọn tùy vào trường hợp cụ thể. Tính chính xác, độ tin cậy của thông tin về chi phí phụ thuộc rất nhiều vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn.

Việc xác định tiêu chuẩn phân bổ chi phí có thể được xác định riêng rẽ theo từng nội dung chi phí cần phân bổ, khi đó cũng phải xác định hệ số phân bổ theo

từng nội dung chi phí này hoặc cũng có thể xác định chung cho tất cả các chi phí cần phân bổ. Việc xác định tiêu chuẩn phân bổ tùy thuộc vào từng đặc thù cụ thể của từng doanh nghiệp.

2.3.2. Kế toán chi phí sản xuất theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chịu sự chi phối trong các chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01, số 02, số 03, số 04, cụ thể:

*** Chuẩn mực kế toán số 01 (VAS 01) : chuẩn mực chung.**

Kế toán chi phí sản xuất cần tuân thủ 7 nguyên tắc kế toán sau:

- Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Như vậy, mọi chi phí phát sinh của doanh nghiệp phải được ghi nhận tại thời điểm phát sinh, không căn cứ vào dòng tiền ra vào doanh nghiệp. Chỉ khi tuân thủ đúng nguyên tắc này, báo cáo tài chính mới phản ánh được tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Nguyên tắc giá gốc: Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

Mọi tài sản của doanh nghiệp khi xuất dùng (nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ) phải được ghi nhận theo giá gốc, khi phản ánh chúng theo giá thị trường tại thời điểm đưa tài sản đó vào quá trình sản xuất sản phẩm. Thực hiện nguyên tắc này để đảm bảo tính khách quan của số liệu kế toán, xác định được

kết quả kinh doanh và đơn giản hơn trong việc ghi chép, thuận lợi cho công tác quản lý.

- Nguyên tắc phù hợp: Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Do đó, tất cả cả các khoản chi phí cấu thành nên sản phẩm sẽ được tập hợp tạo ra giá vốn của sản phẩm đó và phải phù hợp với doanh thu của sản phẩm được cung cấp trong khoảng thời gian xác định.

- Nguyên tắc nhất quán: Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuân thủ nguyên tắc nhất quán, đảm bảo cho việc ghi nhận các yếu tố chi phí một cách hợp lý, không tạo nên các thay đổi bất thường trong giá thành sản phẩm(khi thay đổi về phương pháp khấu hao TSCĐ, phương pháp xác định trị giá hàng xuất kho,... trong kỳ kế toán).

- Nguyên tắc thận trọng: Thận trọng là việc xem xét cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn, không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập, không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí, doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí. Cần phải tuân thủ nguyên tắc này để hạn chế tối đa những bất lợi trong tương lai.

- Nguyên tắc trọng yếu: Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng BCTC. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính.

Đồng thời theo VAS 01, chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi lợi ích kinh tế dự kiến trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ. Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong kỳ sau.

*** Chuẩn mực kế toán số 02 (VAS 02) : Kế toán hàng tồn kho**

Theo quy định của VAS 02 – Hàng tồn kho, giá gốc hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng. Giá vốn hàng bán được xác định theo một trong 4 phương pháp: phương pháp đích danh, bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước. Ngoài ra, trong giá vốn hàng bán còn bao gồm phần định phí sản xuất chung dưới công suất bình thường của máy móc thiết bị.

Đối tượng điều chỉnh của chuẩn mực hàng tồn kho như TS được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường (thành phẩm), hay đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang (bán thành phẩm hay các sản phẩm dở dang)

và các nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ sản xuất. Như vậy, đối tượng điều chỉnh của chuẩn mực này cũng chính là đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Nội dung chính của chuẩn mực đề cập đến là cách xác định trị giá của hàng tồn kho theo phương pháp giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm : Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các chi phí được tính vào giá gốc hàng tồn kho là:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm: giá mua của hàng tồn kho và chi phí mua hàng (bốc dỡ, vận chuyển,...) các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: chi phí lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương, khoản trích theo lương theo quy định Pháp luật.

- Chi phí sản xuất chung bao gồm: các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất như CPSX chung cố định và CPSX chung biến đổi.

- + Chi phí sản xuất chung cố định là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản xuất, như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhà xưởng... và chi phí quản lý hành chính ở các phân xưởng sản xuất.

- + Chi phí sản xuất chung biến đổi là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường thay đổi trực tiếp hoặc gần như trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản xuất, như chi phí nguyên liệu, vật liệu gián tiếp, chi phí nhân công gián tiếp.

Tóm lại, quá trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm về thực chất cũng là xác định giá trị hàng tồn kho theo nguyên tắc giá gốc nên giá thành sản phẩm sản xuất hoàn thành trong kỳ bao gồm 03 yếu tố CPSX kể trên có liên quan trực tiếp tới quá trình sản xuất.

- **Chuẩn mực kế toán số 03 (VAS 03) Tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao TSCĐ có ảnh hưởng rất lớn đối với chi phí sản xuất sản phẩm tại các doanh nghiệp, bởi lượng TSCĐ sử dụng cho việc sản xuất sản phẩm là rất lớn, TSCĐ thường có giá trị cao.

Giá trị khấu hao TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho DN. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác.

Trong quá trình sản xuất công ty nào cũng dùng các tư liệu sản xuất như nhà xưởng máy móc thiết bị và các TSCĐ khác. Khi các yếu tố này tham gia trong quá trình sản xuất thì giá trị của nó được dịch chuyển dần dần vào giá trị của các sản phẩm- phần giá trị này được gọi là giá trị hao mòn của TSCĐ do tham gia vào quá trình SXKD.

Mọi TSCĐ của DN có liên quan đến hoạt động kinh doanh đều phải trích khấu hao. Mức trích khấu hao TSCĐ được hoạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Vì vậy, doanh nghiệp phải tính toán và phân bổ giá trị khấu hao TSCĐ vào chi phí kinh doanh trong kỳ theo quy định của VAS03. Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian sử dụng TSCĐ đó. TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu tài sản của DN. Vì vậy, việc tính toán xác định chi phí khấu hao TSCĐ luôn là công tác trọng tâm trong kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

Có ba phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình , gồm:

- Phương pháp khấu hao đường thẳng
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần
- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

Theo phương pháp khấu hao đường thẳng, số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Theo phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần, số khấu hao hàng năm giảm dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TS. Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính TS có thể tạo ra. Phương pháp khấu hao do doanh nghiệp xác định để áp dụng cho từng TSCĐ hữu hình phải được thực hiện nhất quán, trừ khi có sự thay đổi trong cách thức sử dụng tài sản đó.

2.3.3. Kế toán chi phí sản xuất theo chế độ kế toán hiện hành

Cũng như các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước, doanh nghiệp kinh doanh xây lắp thực hiện hạch toán kế toán theo TT số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của BTC). Theo thông tư này, các doanh nghiệp xây lắp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán sử dụng các tài khoản sau: TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”, TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”, TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”, TK 627 “Chi phí sản xuất chung” TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

***Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

- **TK sử dụng:** Tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để phản ánh các chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động XL, bao gồm:

- + Vật liệu xây dựng: Cát, đá, sỏi, sắt, thép, xi măng, ...
- + Vật liệu khác: Phụ gia, đinh, đất đèn, dây thép, ...
- + Nhiên liệu: Than, củi, ...
- + Vật kết cấu: Cọc bê tông cốt thép đúc sẵn, lan can, gờ chắn đúc sẵn, ...

Để xác định chi phí NVLTT thực tế trong kỳ, kế toán căn cứ vào các yếu tố sau: trị giá nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp, trị giá nguyên vật liệu trực tiếp còn lại đầu kỳ ở các bộ phận, phân xưởng sản xuất, trị giá nguyên vật liệu

cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc như : Tiền lương, tiền công ,các khoản phụ cấp , các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội , Bảo hiểm y tế , kinh phí công đoàn)

- **Chứng từ sử dụng** : Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02-LĐTL,HD);

Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ (Mẫu số 06 – LĐTL, HD); bảng kê trích nộp các khoản theo lương (Mẫu số 10 LĐTL,HD); bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11- LĐTL,HD) và các chứng từ khác .

- **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản chính : TK 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp”

Kết cấu của TK 622

Bên Nợ : Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm bao gồm : Tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương theo quy định phát sinh trong kì .

Bên Có :

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên nợ TK 154 “ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” hoặc vào bên nợ TK 631 “ Giá thành sản xuất” ;

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp trên mức bình thường vào TK 632 Tài khoản 622 không có số dư cuối kì .

Các tài liệu liên quan : TK 334 “ Phải trả người lao động” , TK 338 “ Phải trả , phải nộp khác” , TK 335 “ Chi phí phải trả” , TK 154 “ chi phí sản xuất , kinh doanh dở dang” và các tài khoản khác .

Phương pháp hạch toán (Phụ lục số 24)

***Kế toán chi phí sản xuất chung**

- **Tài khoản sử dụng:** Kế toán sử dụng TK 627 “Chi phí sản xuất chung”. Tài khoản này dùng để phản ánh CPSX của đội, công trường xây dựng, gồm: Lương nhân viên quản lý đội xây dựng; các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp XL, nhân

viên quản lý đội (thuộc biên chế của DN); chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho thi công quản lý đội; chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan tới hoạt động của đội. Các khoản CPSX chung liên quan trực tiếp đến công trình, hạng mục công trình nào thì hạch toán trực tiếp vào công trình, hạng mục công trình đó. Nếu có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì tiến hành phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức phù hợp.

- **Chứng từ sử dụng** : Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT), Hóa đơn (Mẫu số 01-GTGT hoặc 02- GTKT); Bảng phân bổ vật liệu,CCDC (Mẫu số 07-VL); Phiếu chi, giấy báo nợ; Bảng phân bổ TSCĐ; Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung...

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 627 “ Chi phí sản xuất chung” có 2 TK cấp 2:

+ TK 6271 : Chi phí nhân viên phân xưởng

+ TK 6272 : Chi phí vật liệu

+ TK 6273 : Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6277 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6278 : Chi phí bằng tiền khác

Bên Nợ : Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

Bên Có :

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

-Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường

- Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên Nợ TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” hoặc bên Nợ TK631 “ Giá thành sản xuất”

TK627 không có số dư cuối kỳ

Các TK khác liên quan : TK 111 “ Tiền mặt” , TK112 “ Tiền gửi ngân hàng”, TK214” Hao mòn TSCĐ” , TK331” Phải trả cho người bán”, TK334” Chi phí phải trả”, TK154” Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

- **Phương pháp hạch toán:** (Phụ lục số 25)

***Kế toán chi phí sử dụng máy thi công**

- **Tài khoản sử dụng:** TK 623 – “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động XL công trình. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công. Chi sử dụng tài khoản này trong trường hợp DNXL thực hiện XL công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

- **Chứng từ sử dụng :** Phiếu xuất kho vật tư sử dụng, hóa đơn bán hàng, bảng chấm công của công nhân điều khiển máy thi công, Bảng tính khấu hao, Nhật trình sử dụng máy.... Nếu sử dụng máy thi công thuê ngoài thì đội trưởng đội thi công tập hợp chứng từ : Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng được chuyển về phòng kế toán làm căn cứ phân bổ cho từng đối tượng liên quan, chi phí máy thi công sử dụng cho công trình nào thì phân bổ công trình đó.

* Trường hợp DN tổ chức đội máy thi công riêng và có tổ chức kế toán riêng thì không sử dụng TK623 mà toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK621, TK622, TK627. Sau đó, các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy (giờ máy) thực hiện và cung cấp cho các đối tượng XL công trình, hạng mục công trình.

Phương pháp hạch toán: (Phụ lục số 26)

*** Trường hợp doanh nghiệp xây lắp tổ chức đội máy thi công riêng**

Phương pháp hạch toán: (Phụ lục số 27)

• **Trường hợp doanh nghiệp tổ chức thuê ngoài**

Phương pháp hạch toán: (Phụ lục số 28)

*** Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp**

Tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng và những chi phí không thể tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng thì phải tính phân bổ các chi phí này cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp. Trong ngành xây dựng cơ bản thường phân bổ chi phí sử dụng máy thi công và phân bổ chi phí sản xuất chung.

Phân bổ chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công được phân bổ cho các đối tượng xây lắp theo phương pháp thích hợp căn cứ vào số ca máy hoặc khối lượng phục vụ thực tế.

Phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng công trường, hoặc đội thi công hoặc toàn doanh nghiệp và tính phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức thích hợp như phân bổ theo chi phí sản xuất chung định mức, phân bổ theo giờ công sản xuất kinh doanh định mức hoặc thực tế, phân bổ theo chi phí nhân công, phân bổ theo chi phí trực tiếp. Để tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp sử dụng TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

- Phương pháp hạch toán: (Phụ lục số 29)

*** Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

SP dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quy trình sản xuất, chế biến, đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành SP hoàn chỉnh.

Sản phẩm dở dang của các doanh nghiệp xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành khối lượng công tác xây lắp trong kỳ và chưa được chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán.

Muốn đánh giá sản phẩm dở dang một cách chính xác cần phải tiến hành kiểm kê khối lượng nguyên nhiên vật liệu chưa sử dụng đến ở công trường thi

công. Bộ phận kế toán cần kết hợp chặt chẽ với cán bộ kỹ thuật tại công trường thi công để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng xây lắp dở dang.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà DNXL thường áp dụng là: đánh giá theo giá dự toán và mức độ hoàn thành của sản phẩm xây lắp dở dang. Áp dụng đối với các trường hợp công trình, hạng mục công trình bàn giao thanh toán theo từng giai đoạn hoàn thành, sản phẩm dở dang là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành. Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ theo phương pháp phân bổ chi phí thực tế căn cứ vào giá thành dự toán và mức độ hoàn thành theo các bước sau:

	Chi phí thực tế dở dang đầu kỳ	Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ	
Chi phí sản xuất Thực tế dở dang Cuối kỳ của từng giai đoạn	—	+	X
	—————	—————	
	Giá thành dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ	+	Tổng giá thành dự toán khối lượng dở dang cuối kỳ của các giai đoạn
			Giá thành dự toán khối lượng dở dang cuối kỳ của từng giai đoạn

2.4 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên phương diện kế toán quản trị

Phân loại chi phí sản xuất của kế toán quản trị

Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động

Theo mối quan hệ với mức độ hoạt động có nghĩa là những chi phí này sẽ tăng, giảm như thế nào đối với các mức độ thay đổi của hoạt động kinh doanh. Mục đích của cách phân loại này là cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm tra và điều tiết chi phí.

Theo cách phân loại này chi phí được phân làm 3 loại:

Biến phí: Là những chi phí thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi, được chia thành biến phí tỷ lệ và biến phí cấp bậc. Biến phí thường bao gồm các khoản chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp...

Định phí: Là những khoản chi phí không thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp của doanh nghiệp. Định phí được chia làm 2 loại là định phí bắt buộc và định phí không bắt buộc. Định phí thường gồm các khoản như chi phí khấu hao tòa nhà, thiết bị dùng trong tòa nhà,...

Chi phí hỗn hợp: là những chi phí có cả yếu tố cố định và yếu tố biến đổi. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thể hiện các đặc điểm của định phí, quá mức đó nó lại thể hiện đặc tính của biến phí. Chi phí hỗn hợp thường gồm: chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý doanh nghiệp...

Cách phân loại này có tác dụng rất lớn trong việc phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận, xây dựng các mô hình kế toán chi phí và giúp nhà quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí.

- Phân loại chi phí nhằm mục đích ra quyết định

Để phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý, ngoài các cách phân loại trên, chi phí còn được phân loại thành chi phí gián tiếp, chi phí trực tiếp và chi phí cơ hội.

Chi phí trực tiếp: Là những chi phí chỉ quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất một loại sản phẩm, một công việc, lao vụ hoặc một hoạt động, một địa điểm nhất định và hoàn toàn có thể hạch toán, tập hợp trực tiếp cho sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đó. Trên góc độ quản trị doanh nghiệp, chi phí trực tiếp thường mang tính chất có thể tránh được, tức là nó phát sinh và mất đi cùng với sự phát sinh và mất đi của một hoạt động cụ thể.

Chi phí gián tiếp: Là chi phí có liên quan đến nhiều sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ nhiều khối lượng khác nhau nên phải tập hợp cho từng đối tượng bằng phương pháp phân bổ gián tiếp. Trên góc độ quản trị doanh nghiệp, chi phí gián tiếp thường mang tính chất không thể tránh được.

Chi phí cơ hội: Là phần lợi nhuận tiềm năng bị từ bỏ khi lựa chọn phương án hoạt động này thay vì một phương án hoạt động khác. Chi phí cơ hội là khoản chi phí không được theo dõi trên sổ sách kế toán nhưng lại rất quan trọng đối với việc ra quyết định. Nhà quản trị cần xem xét các chi phí cơ hội của các phương án khác nhau để đưa ra quyết định lựa chọn phương án đem lại lợi nhuận cao nhất.

- Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ của chi phí với các khoản mục trên báo cáo tài chính

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất của doanh nghiệp được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

Chi phí sản phẩm: Là những khoản chi phí gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm. Chi phí sản phẩm bao gồm các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Nếu sản phẩm chưa được cung ứng trên thị trường thì chi phí sản phẩm sẽ nằm trong giá thành (trị giá vốn) của hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán. Nếu sản phẩm đã được cung ứng ra thì chi phí sản phẩm trở thành chi phí của giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí thời kỳ: Là các chi phí để hoạt động sản xuất kinh doanh trong các chi phí này không tạo nên giá trị của hàng tồn kho mà tham gia xác định kết quả kinh doanh ngay trong kỳ chúng phát sinh, chúng có ảnh hưởng đến lợi nhuận và chúng được phản ánh, ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Định mức chi phí và hệ thống dự toán chi phí sản xuất

a. Định mức chi phí:

Định mức chi phí sản xuất kinh doanh là cơ sở để lập dự toán chi phí sản xuất cho từng đơn vị dự toán. Việc lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh phải căn cứ vào định mức chi phí. Dự toán và định mức có sự khác nhau về phạm vi. Định mức thì tính cho từng đơn vị còn dự toán được lập cho toàn bộ sản lượng

sản phẩm cần thiết dự kiến sản xuất trong kỳ. Do vậy, giữa dự toán và định mức chi phí có mối quan hệ và ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu định mức xây dựng không hợp lý, không sát với thực tế thì dự toán lập trên cơ sở đó không có tính khả thi cao, giảm tác dụng kiểm soát thực tế. Chính vì vậy khi xây dựng định mức chi phí sản xuất phải tuân thủ theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định.

Khi xây dựng định mức chi phí sản xuất phải tuân theo nguyên tắc chung là tìm hiểu, xem xét khách quan toàn bộ tình hình thực tế thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh đối với mỗi đơn vị sản phẩm về hiện vật của kỳ trước, đánh giá chất lượng sản phẩm và các vấn đề liên quan đến năng suất và hiệu quả lao động của doanh nghiệp. Sau đó kết hợp với những thay đổi về thị trường như quan hệ cung cầu, nhu cầu đòi hỏi của thị trường.. thay đổi về điều kiện kinh tế kỹ thuật bổ sung định mức chi phí cho phù hợp với điều kiện và yêu cầu mới.

Như vậy, những gì đã xảy ra và những kết quả đạt được kỳ trước chỉ làm căn cứ để dự đoán tương lai phục vụ cho việc xây dựng định mức sát với điều kiện thực tế hơn. Vì vậy, định mức chi phí là chỉ tiêu phản ánh mức hoạt động hiệu quả cho kỳ dự toán sắp thực hiện. Ở nước ta, từ trước đến nay thông thường các doanh nghiệp chủ yếu dựa vào định mức kinh tế kỹ thuật của ngành đã được xây dựng và nhà nước phê duyệt làm định mức chi phí cho doanh nghiệp. Trong điều kiện hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải quan tâm đến chất lượng và giá cả sản phẩm. Muốn sản xuất có hiệu quả các nhà quản trị phải nghiên cứu và xây dựng định mức thực tế cho phù hợp hơn với điều kiện của doanh nghiệp trên cơ sở định mức chung của ngành. Hơn nữa định mức kinh tế kỹ thuật của ngành được xây dựng có thể chưa bao quát được những điều kiện, đặc điểm, kỹ thuật cụ thể của doanh nghiệp. Do đó, để doanh nghiệp có thể dự toán sản xuất kinh doanh hợp lý, sát với điều kiện cụ thể thì cần phải xây dựng định mức chi phí riêng cho doanh nghiệp.

b. Hệ thống dự toán chi phí sản xuất:

Dự toán là công cụ để lập kế hoạch và kiểm tra được sử dụng rất rộng rãi trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Dự toán chi phí sản xuất chiếm một phần công việc không nhỏ trong kế toán quản trị chi phí. Để có thể sử dụng chi phí sản xuất một cách có hiệu quả, doanh nghiệp cần lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh.

Mục đích của dự toán là cụ thể hóa mục tiêu của nhà quản trị, thiết lập các kế hoạch ngắn hạn, dự báo thu nhập từ một kế hoạch định trước, thiết lập kế hoạch đầu tư, triển khai một dự án sản xuất, lập kế hoạch mua, dự báo việc tuyển dụng nhân sự, kế hoạch đào tạo, lập dự toán sản xuất, lập dự toán tài chính, lập dự toán tổng thể.

Dự toán là công cụ của nhà quản lý, chính vì thế đòi hỏi họ phải biết thích ứng dự toán với từng nhu cầu riêng rẽ và với hoàn cảnh cụ thể của từng doanh nghiệp. Vì vậy dự toán có rất nhiều loại khác nhau. Chẳng hạn, người ta có thể triển khai thực hiện kế hoạch theo loại nghiệp vụ, theo các loại nguồn lực khác nhau, theo hoạt động, theo các trung tâm trách nhiệm, theo quá trình...

*** Dự toán sản xuất:**

Sản xuất phải đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ, đồng thời phải đảm bảo mức tồn kho sản phẩm tối thiểu cần thiết đảm bảo cho quá trình tiêu thụ liên tục. Mức tồn kho sản phẩm cuối kỳ tùy thuộc chủ yếu vào chu kỳ sản xuất sản phẩm. Chu kỳ sản phẩm càng dài thì mức tồn kho sản phẩm càng lớn và ngược lại.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Dự toán} & & \text{Dự toán} & & \text{Dự toán sản} & & \text{Dự toán sản} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{sản phẩm} & + & \text{phẩm tồn Kho} & - & \text{phẩm tồn kho} \\ \text{sản xuất} & & \text{tiêu thụ} & & \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} \end{array}$$

*** Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp:**

Được lập căn cứ vào nhu cầu sản xuất trong kỳ với lượng và giá định mức của từng loại nguyên vật liệu, cùng với tình hình tồn kho nguyên liệu để xác định chi phí nguyên vật liệu trong kỳ cần dự toán.

- Xác định lượng nguyên vật liệu cần sử dụng trong kỳ:

$$\text{Nhu cầu nguyên vật liệu} = \frac{\text{Nhu cầu sản xuất sản phẩm}}{\text{Định mức lượng nguyên liệu/sản phẩm}} \times \text{Định mức lượng nguyên}$$

- Xác định dự toán chi phí mua nguyên vật liệu trong kỳ:

$$\text{Tổng CP mua nguyên vật liệu trong kỳ} = \left(\begin{array}{l} \text{Nhu cầu nguyên vật} \\ \text{nguyên vật liệu sử dụng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Nguyên vật liệu dự kiến} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Nguyên vật liệu tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} \right) \times \text{Đơn giá mua}$$

Đối với doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm thì phải dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng sản phẩm.

* Dự toán chi phí lao động trực tiếp:

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất trong kỳ để lập

$$\text{Tổng CP dự toán lao động trực tiếp} = \frac{\text{Nhu cầu lượng sản phẩm cần sản xuất trong kỳ}}{\text{Định mức thời gian lao động trực tiếp bình quân cho 1 sản phẩm}} + \frac{\text{Định mức giá bình quân của 1 giờ lao động trực tiếp}}{\text{Định mức giá bình quân của 1 giờ lao động trực tiếp}} \times \text{Định mức giá}$$

* Dự toán chi phí sản xuất chung:

Dự toán chi phí sản xuất chung được xây dựng theo định phí và biến phí

Dự toán chi phí sản xuất chung khả biến được lập tỷ lệ với tiêu thức phù hợp được chọn tùy theo mối quan hệ biến động của chi phí, có thể theo giờ công lao động trực tiếp

$$\text{Dự toán chi phí sản xuất chung khả biến} = \frac{\text{Dự kiến chi phí sản xuất chung khả biến trong 1 giờ công}}{\text{Số giờ công lao động trực tiếp}} \times \text{Số giờ công lao động trực tiếp}$$

Chi phí sản xuất chung bất biến được tính đều theo thời gian căn cứ vào tỷ lệ chiếm của chi phí sản xuất chung bất biến trong tổng số chi phí sản xuất chung qua sự tổng kết kinh nghiệm thực tế.

CHƯƠNG III

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG LỘC

3.1. Khái quát chung về công ty

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG LỘC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 100 Từ Đào Hạnh – Phú Sơn – TP.Thanh Hóa

Mã số thuế: 0101518648

Điện thoại: 037337270 - Fax: 037330660

Khi mới thành lập Công ty có số vốn pháp định là 1.256.000.000 đồng. Trong đó vốn Ngân Sách cấp là 2.021.500 đồng, vốn tự có 234.500.000 đồng. Đội ngũ công nhân viên chức ban đầu là 1200 người trong đó lực lượng kỹ sư là 75 người, công nhân bậc thợ 4 trở lên là 546 người.

Theo quyết định số 1640/QĐ – BXD của Bộ xây dựng với vốn điều lệ là 11.200.000.000 đồng, trong đó vốn đầu tư của Nhà nước là 7. 018.000.000 đồng, vốn góp cổ đông là 4. 182.000.000 đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD theo số 0103003457 Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 16/ 01/ 2004.

Trải qua nhiều năm hoạt động và phát triển, công ty đã có một truyền thống vẻ vang, là một trong những đơn vị xây dựng hàng đầu của thành phố, nhiều năm liền đạt thành tích cao về sản xuất kinh doanh và đạt các danh hiệu thi đua xuất sắc của ngành xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Trong những năm gần đây, hòa mình cùng quá trình đổi mới đi lên của đất nước, Việt Nam đang chuyển mình vào cơ chế quản lý bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng XHCN và phấn đấu đến năm 2020 đưa Việt Nam ra khỏi danh sách 1 trong 40 nước nghèo nhất trên thế giới. Với chức năng về xây dựng Công ty có địa bàn hoạt động rộng, Công ty tổ chức lao động thành nhiều điểm thi

công khác nhau, phục vụ thi công hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng: máy móc, nhân công phải di chuyển theo địa điểm xây dựng công trình. Công ty đã góp phần đáng kể vào những mục tiêu chung đó như công ty đã thiết kế, tư vấn và xây dựng được 1 số công trình lớn trị giá hàng chục tỷ đồng tạo việc làm hàng trăm lao động, hàng năm công ty đóng góp vào ngân sách Nhà nước hàng chục triệu đồng bên cạnh đó mỗi năm công ty còn hỗ trợ cho quỹ vì người nghèo, phòng chống bão lụt... và tham gia vào nhiều hoạt động từ thiện khác của Xã hội.

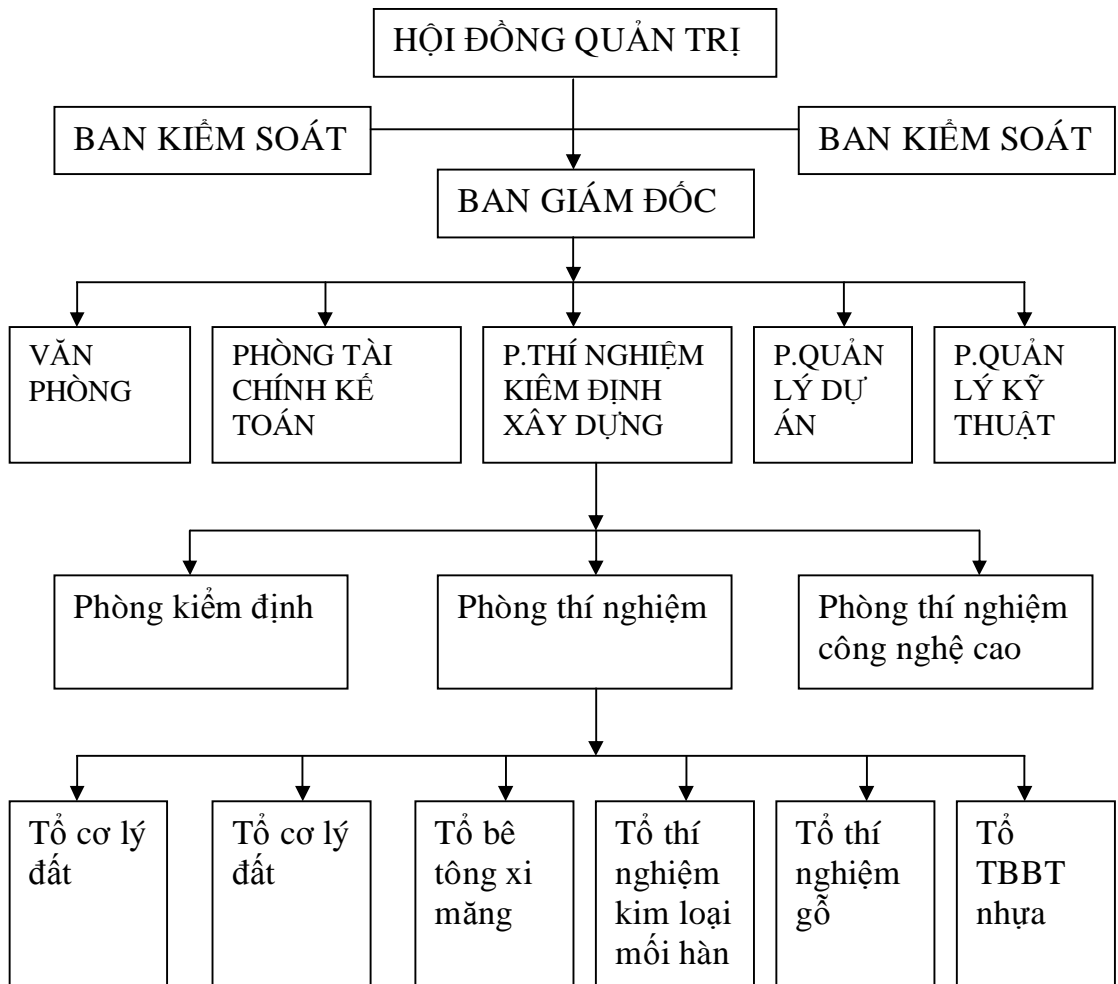
Dưới đây là một số chức năng và nhiệm vụ của công ty:

- Tư vấn giám sát, giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm chất lượng công trình xây dựng.
- Lập dự án đầu tư các công trình có vốn trong và ngoài nước.
- Tư vấn về đấu thầu và hợp đồng kinh tế đối với việc quản lý dự án, xây lắp công trình.
- Lập tổng dự toán và dự toán công trình cho các loại công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thông tin cáp thoát nước.
- Thẩm tra kỹ thuật các công trình xây dựng thuộc dự án trong nước và ngoài nước.
- Khảo sát xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất thủy văn.
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; xây dựng đường dây tải điện trạm biến áp.
- Khai thác, mua bán cát, đất, sỏi, vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường thủy, đường bộ.

3.1.2. Đặc điểm tổ chức tại công ty

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng khắc nghiệt, một doanh nghiệp muốn tồn tại, đứng vững và phát triển đòi hỏi cơ cấu quản lý phải khoa học và hợp lý. Đó là nền tảng, là yếu tố vô cùng quan trọng giúp doanh nghiệp tổ chức việc quản lý vốn cũng như quản lý con người được hiệu quả, từ đó quyết định việc doanh nghiệp kinh doanh có lợi nhuận hay không.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển hài hoà của các doanh nghiệp trong toàn quốc nói chung và các đơn vị thuộc ngành xây dựng nói riêng, Công ty đã không ngừng đổi mới, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ nhân viên quản lý nhằm phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, thích ứng với nhu cầu đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp, theo kịp tiến trình phát huy hiệu quả kinh doanh của các đơn vị khác trong toàn quốc. Đến nay, Công ty đã có một bộ máy quản lý thích ứng kịp thời với cơ chế thị trường, có năng lực và chuyên môn kỹ thuật cao, quản lý giỏi và làm việc có hiệu quả thể hiện ở sơ đồ sau



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xây dựng

Hoàng Lộc

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc)

Trong đó:

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty.

- **Ban kiểm soát:** Có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc theo đúng các quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

-**Ban Giám đốc:** bao gồm:

+ **Giám đốc Công ty:** Là người lãnh đạo, quản lý và giám sát mọi hoạt động chung của Công ty, trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách của Hội đồng quản trị. Là người kiến nghị phương án bố trí cơ cấu Tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, có quyền bổ nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, quyết định lương phụ cấp đối với người trong Công ty.

+ **Phó Giám đốc:** Là người hỗ trợ công việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, Phó Giám đốc còn phụ trách về công tác kỹ thuật và các phòng ban và các kế hoạch phòng ban. Phó Giám đốc là người có quyền hạn cao chỉ sau Giám đốc Công ty.

- **Văn phòng:** Có chức năng giúp Ban Giám đốc tổng hợp, điều phối mọi mặt công tác của Công ty, giữ nề nếp sinh hoạt của cơ quan, duy trì mối quan hệ giữa Công ty và các Công ty khác.

- **Phòng tài chính- kế toán:** Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực quản lý tài chính và quản lý kế toán.

- **Phòng quản lý dự án:** Có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc và lãnh đạo trong Công ty trong việc quản lý lĩnh vực kinh tế, kế hoạch, kỹ thuật, đầu tư, thi công, công tác vật tư.

- **Phòng thí nghiệm kiểm định XD:** Nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ tư vấn, kiểm định, giám sát, hợp tác, đào tạo bồi dưỡng trong lĩnh vực xây dựng, hợp tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực đăng ký.

- **Phòng kiểm định:** Tham mưu các nội dung và công tác thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng công trình theo hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Nhà nước ban hành và Quốc tế.

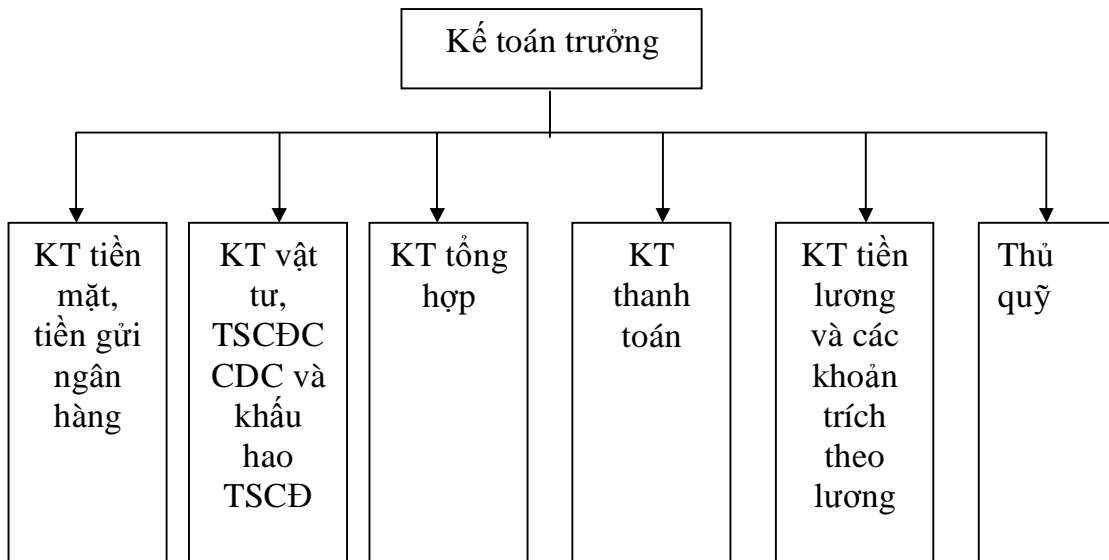
- **Phòng thí nghiệm:** Tổ chức hiệu chuẩn các thiết bị thí nghiệm, thiết bị đo đạc, sản xuất, vật liệu xây dựng, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm ngành xây dựng, bảo dưỡng thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ, thi công và sản xuất vật liệu xây dựng.

- **Phòng thí nghiệm công nghệ cao:** Tiếp nhận và triển khai các dự án, xây dựng như nghiên cứu mạnh về vật tư, vật liệu, góp phần hình thành 1 trung tâm nghiên cứu xuất sắc. Tổ chức xây dựng và thực hiện mô hình nghiên cứu liên ngành, tích cực đào tạo và nghiên cứu khoa học, thực hiện có hiệu quả việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực công nghệ cao mang tính liên ngành, tạo ra các kết quả, sản phẩm khoa học công nghệ có giá trị khoa học và thực tiễn.

3.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

3.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của Công ty, ở các tổ đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên thông kê kế toán làm nhiệm vụ thu thập, phân loại, kiểm tra chứng từ sau đó vào sổ chi tiết vật tư, lao động, máy móc và tập hợp chứng từ gốc vào bảng tập hợp chứng từ gửi lên Công ty vào ngày 25 hàng tháng.



Sơ đồ 3.2: Cơ cấu tổ chức phòng kế toán- tài chính tại Công ty

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc)

Trong đó:

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm chung toàn bộ công việc trong phòng kế toán tài chính, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị về công tác tài chính kế toán, sản xuất kinh doanh của Công ty và quan hệ ngoại giao.

- **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành công trình tổng hợp số liệu lập báo cáo. Kế toán tổng hợp phụ trách tài khoản sau: 621,627,641,642,154,911,421,511,512.

- **Kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng:** Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được duyệt tiến hành viết phiếu thu – chi, theo dõi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản vay tạm ứng. Tiếp nhận toàn bộ chứng từ thanh toán, chứng từ mua vật tư, phụ tùng ... để thu - chi đúng chế độ.

- **Kế toán Vật tư và TSCĐ:** Theo dõi và quản lý về mặt số lượng và giá trị tài sản của Công ty. Tổ chức theo dõi, tính khấu hao, phân bổ chi phí khấu hao Tài sản cố định cho từng công trình, hạng mục công trình, tiến hành tổ chức thanh lý tài sản cố định, theo dõi nguồn hình thành tài sản, tiến hành cho thuê

những tài sản của Công ty khi chưa có nhu cầu sử dụng. Đồng thời theo dõi tình hình Vật tư theo công trình, hạng mục công trình.

- **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:** Hàng ngày xác định số lao động đi làm, tiến hành nghiệm thu sản phẩm từng tổ, từng phân xưởng, xác định số công phát sinh, tiến hành tính công cho từng tổ và lương bình quân một người trong tổ (theo phiếu nghiệm thu sản phẩm, số lượng lao động và định mức đơn giá tiền lương cho từng bộ phận). Mở sổ theo dõi tiền lương (thanh toán với công nhân viên) cho từng tổ, cuối kỳ lập bảng tiền lương phải trả công nhân viên trong kỳ, tính trích bảo hiểm xã hội của công nhân viên, phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí, cuối kỳ lập báo cáo thống kê.

- **Kế toán thanh toán:** Căn cứ vào chứng từ hợp lý hợp lệ kế toán thanh toán cho các đối tượng liên quan như thanh toán các khoản nợ, thanh toán lương, tạm ứng...

- **Thủ quỹ:** Căn cứ vào chứng từ thu chi đã được phê duyệt, thủ quỹ tiến hành thu, phát, nộp tiền ngân hàng, cùng với kế toán tiền mặt quản lý tiền của Công ty.

3.1.3.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Chính sách kế toán mà Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc hiện nay đang áp dụng là Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quyết định sửa đổi bổ sung có liên quan của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Từ chế độ kế toán chung, mỗi công ty có sự vận dụng cụ thể vào Công ty mình. Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc chế độ kế toán được áp dụng như sau:

- Niên độ kế toán quy định từ 01/01 đến 31/12 hàng năm, đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Việt Nam đồng (VNĐ), kế toán mở các tài khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập dự phòng theo quy định.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo hình thức nhập trước xuất trước, vì hàng hoá có giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Là một Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực nên Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ): Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

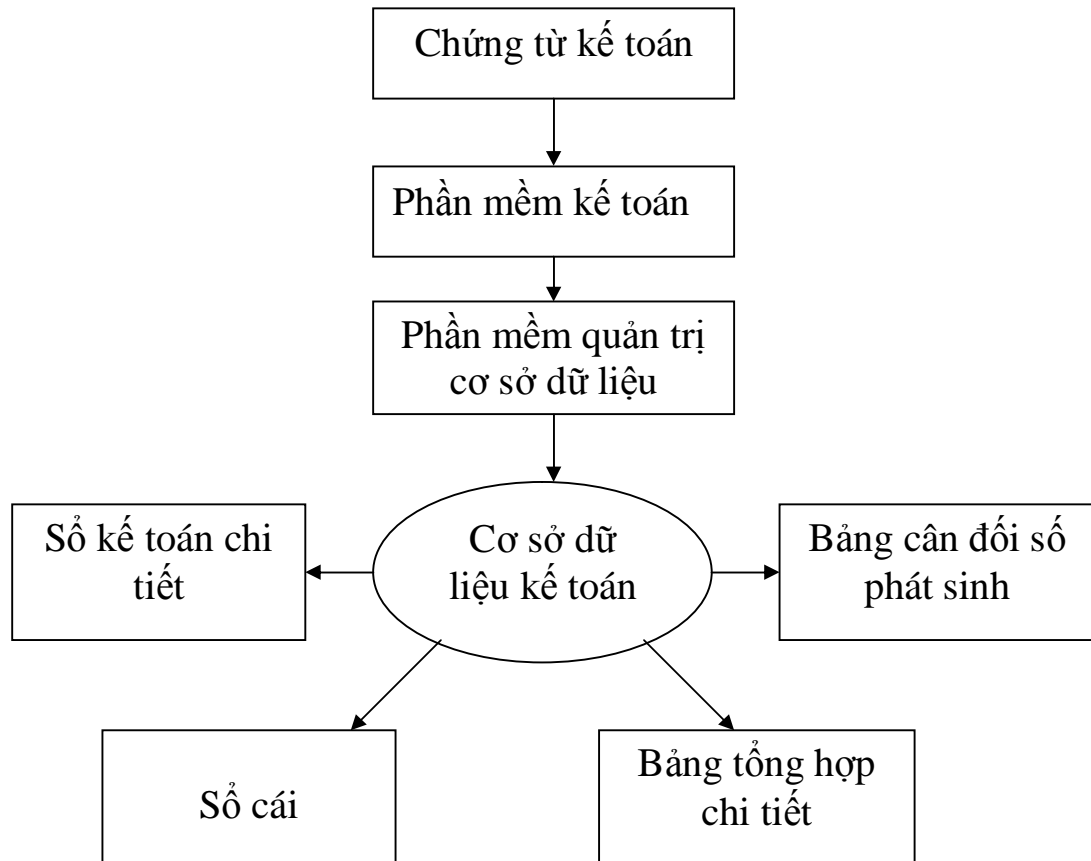
- Hình thức kế toán Công ty áp dụng là hình thức kế toán nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ tổng hợp: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái

- Sổ chi tiết: Các sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 621; 622; 627.154...

Hình thức kế toán máy: Bản chất quy trình, thứ tự không thay đổi nhưng tất cả sẽ được thực hiện nhờ phần mềm kế toán.



Sơ đồ 3.3: Trình tự ghi sổ Nhật ký chung khi áp dụng kế toán máy của Công ty

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc)

3.2. Thực trạng kế toán tại công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc

3.2.1. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc

3.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá và các chi phí khác mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất trong một thời kỳ nhất định.

Với mỗi doanh nghiệp, chi phí sản xuất kinh doanh có nội dung kinh tế khác nhau, công dụng khác nhau và yêu cầu quản lý đối với từng loại cũng khác nhau. Để lập kế hoạch và tính chính xác giá thành, khống chế và thống nhất các loại chi phí, nhằm nghiên cứu phát sinh trong quá trình hình thành giá thành sản phẩm. Vấn đề đặt ra là phải phân loại chi phí thành từng nhóm riêng theo những tiêu thức nhất định.

Đối với nước ta hiện nay, việc phân loại chi phí sản xuất được áp dụng theo đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm quản lý của doanh nghiệp. Qua khảo sát thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc cho thấy Công ty đã phân loại chi phí sản xuất như hướng dẫn của chế độ kế toán, đó là phân loại chi phí theo mục đích và công dụng của chi phí bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Là tất cả các chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho thi công xây lắp như:

+ Vật liệu xây dựng: Cát, đá, sỏi, sắt, thép, xi măng...

+ Vật liệu khác: Bột màu, đinh, dây...

+ Nhiên liệu: Than, củi...

+ Vật kết cấu: Bê tông đúc sẵn...

+ Thiết bị gắn liền với vật kiến trúc: Thiết bị vệ sinh, thông gió, thiết bị sưởi ấm...

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp,

kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công (các loại xe máy chạy bằng động lực (điện, xăng, dầu, khí nén...) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp như máy trộn bê tông, cần cẩu, máy ủi, máy đóng cọc...). Chi phí sử dụng máy thi công được chia làm hai loại:

+ Chi phí thường xuyên: Là những chi phí phát sinh trong quy trình sử dụng máy thi công được tính thẳng vào giá thành ca máy như: Tiền lương cả công nhân trực tiếp điều khiển hay phục vụ xe máy, chi phí nhiên liệu, động lực, vật liệu dùng cho máy thi công, chi phí khấu hao và sửa chữa thường xuyên máy thi công, tiền thuê máy thi công...

+ Chi phí tạm thời: Là những chi phí phải phân bổ dần dần theo thời gian sử dụng máy thi công như: chi phí tháo lắp, vận chuyển, chạy thử máy thi công, chi phí về xây dựng, tháo dỡ những công trình tạm thời loại nhỏ như lều, lán phục vụ cho sử dụng máy thi công. Những chi phí này có thể phân bổ dần hoặc trích trước cho nhiều kỳ.

- *Chi phí sản xuất chung*: Là những chi phí có liên quan tới việc tổ chức, phục vụ quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên gồm: tiền lương, phụ cấp, ăn ca phải trả cho nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn ca của công nhân xây lắp, khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định của nhà nước tính trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội thuộc biên chế doanh nghiệp.

Theo cách phân loại này, mỗi loại chi phí thể hiện điều kiện khác nhau của chi phí sản xuất, thể hiện nơi phát sinh chi phí, đối tượng gánh chịu chi phí.

Nhìn chung công tác phân loại CPSX của công ty chỉ phục vụ cho công tác lập báo cáo tài chính mà chưa quan tâm đến việc phân loại chi phí phục vụ cho quản trị doanh nghiệp. Công ty chưa thực hiện phân loại CPSX theo cách ứng xử của chi phí: Chi phí khả biến, chi phí bất biến và chi phí hỗn hợp, hay phân loại CPSX sử dụng cho việc lựa chọn phương án: Chi phí cơ hội, chi phí chìm... Đây là vấn đề còn tồn tại phổ biến không chỉ riêng có ở các công ty xây dựng mà còn là vấn đề cần tiếp tục quan tâm và hoàn thiện nhằm phát huy hơn nữa vai trò của thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp nói chung.

Về chỉ tiêu giá thành sản phẩm, hiện nay Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc đang sử dụng các loại giá thành sau: Giá thành dự toán, giá thành thực tế. Giá dự toán công trình được tính toán và xác định theo công trình xây dựng cụ thể, trên cơ sở khối lượng công việc, thiết kế mỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công được duyệt, nhiệm vụ công việc phải thực hiện của công trình, HMCT và hệ thống định mức, đơn giá xây dựng công trình. Dự toán công trình là cơ sở để xác định giá gói thầu, giá xây dựng công trình là căn cứ đàm phán, ký kết hợp đồng, thanh toán với nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu. Giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt là căn cứ để xét thầu trong trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây dựng. Theo quy định tại luật đấu thầu, các đơn vị thi công muốn trúng thầu thì giá dự thầu không được vượt quá giá dự toán được duyệt. Chính vì vậy công ty luôn quan tâm xem giá dự toán như vậy nếu khi trúng thầu thi công thì có đảm bảo bù đắp được chi phí và có lãi hay không. Điều này không chỉ đòi hỏi từ các cơ quan nhà nước mà chủ đầu tư phải xây dựng định mức phù hợp và tính toán giá thành dự toán công trình đầy đủ, chính xác mà còn yêu cầu về phía công ty phải đưa ra các giải pháp thi công nhằm tiết kiệm chi phí tối đa CPSX, hạ giá thành sản xuất thực tế so với giá trúng thầu nhằm thu lợi nhuận tối đa.

Việc phân loại chỉ tiêu giá thành sản phẩm như hiện nay chưa phát huy hết ưu điểm của từng loại giá thành sản phẩm. Các chỉ tiêu giá thành bộ phận (trong

đó bao gồm như biến phí sản xuất, giá thành theo biến phí toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ...) thì chưa được quan tâm làm hạn chế khả năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc .

3.2.1.2. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

Việc xác định nội dung kế toán chi phí (phân xưởng, các bộ phận) hoặc nội dung chi phí (các trung tâm, hình thức các trung tâm...). Xác định nội dung nội dung tiếp hợp chi phí sản phẩm cần ý nghĩa quan trọng trong việc tách biệt tiếp hợp chi phí cũng như làm rõ tính chính xác, kịp thời trong việc xác lập giá trị thực sản phẩm các bộ phận. Việc lựa chọn nội dung nội dung quan trọng nhất của các bộ phận tách biệt kế toán chi phí sản xuất và tính giá trị thực sản phẩm

Phương pháp kế toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp ước tính số đồng nội tiếp hợp và phân loại các chi phí theo yêu cầu và khoanh môc trong phạm vi giá trị hiện tại nội tiếp kế toán chi phí sản xuất. Do các nội tiếp sản xuất cần sản phẩm các bộ phận các quy trình công nghệ phức tạp, nội tiếp sản xuất nội tiếp chi phí, nội tiếp nội tiếp, nội tiếp tách biệt sản xuất ước tính phân chia thực nhiều các trung tâm, nhiều khu vực thì công nhân nội tiếp kế toán chi phí sản xuất cần có nội tiếp kế toán chi phí sản xuất nội tiếp nội tiếp.

Kinh doanh các bộ phận xác định nội tiếp kế toán chi phí sản xuất là toàn bộ các trung tâm hay hình thức các trung tâm thực hợp thực chi phí sản xuất liên quan nội tiếp các trung tâm hình thức các trung tâm nội tiếp ước tính nội tiếp cho các trung tâm, hình thức các trung tâm nội tiếp các chi phí thực hợp, khi hợp thực thực chi phí sản xuất theo nội tiếp kế toán cũng làm giá trị thực sản phẩm các bộ phận.

Trên hệ thống doanh nghiệp xác định nội tiếp kế toán chi phí sản xuất là tổng nội tiếp nội tiếp thực chi phí sản xuất phân tích nội tiếp kế toán theo tổng nội tiếp nội tiếp nội tiếp nội tiếp. Khi nội tiếp nội tiếp nội tiếp thực thực thực chi phí sản xuất phân tích

sinh kó tở khi khèi c«ng Ồn khi họp thựnh ưi c tẾp híp theo Ớn Ắt hựng vự đó còng chýnh lự gi ụ thựnh thục tở cĩa Ớn Ắt hựng.

Trưêng híp doanh nghiỘp x ụ c Ớnh Ới tữ ng kỏ to ụ n chi phý s Ớn xuÊt lự tống Ớn v Ớ thi c«ng th ụ c ụ c chi phý s Ớn xuÊt ưi c tẾp híp theo tống Ớn v Ớ thi c«ng. Trong tống Ớn v Ớ Ớ, chi phý l Ới ưi c tẾp híp theo Ới tữ ng chừu chi phý Ớ Ớ lự tống c«ng tr Ớnh, h Ớng mớc c«ng tr Ớnh mự Ớn v Ớ Ớ thi c«ng. Cuèi th ụ ng tæng híp chi phý ph ụ t sinh Ớ tống Ớn v Ớ thi c«ng Ớ x ụ c Ớnh kỏt qu Ớ h Ớ ch to ụ n kinh tở néi bé. Khi c«ng tr Ớnh, h Ớng mớc c«ng tr Ớnh họp thựnh th Ớ ph Ới tæng híp chi phý vự tính ri Ớng gi ụ thựnh cho tống c«ng tr Ớnh, h Ớng mớc c«ng tr Ớnh Ớ b Ớng phư Ớng ph ụ p thých híp.

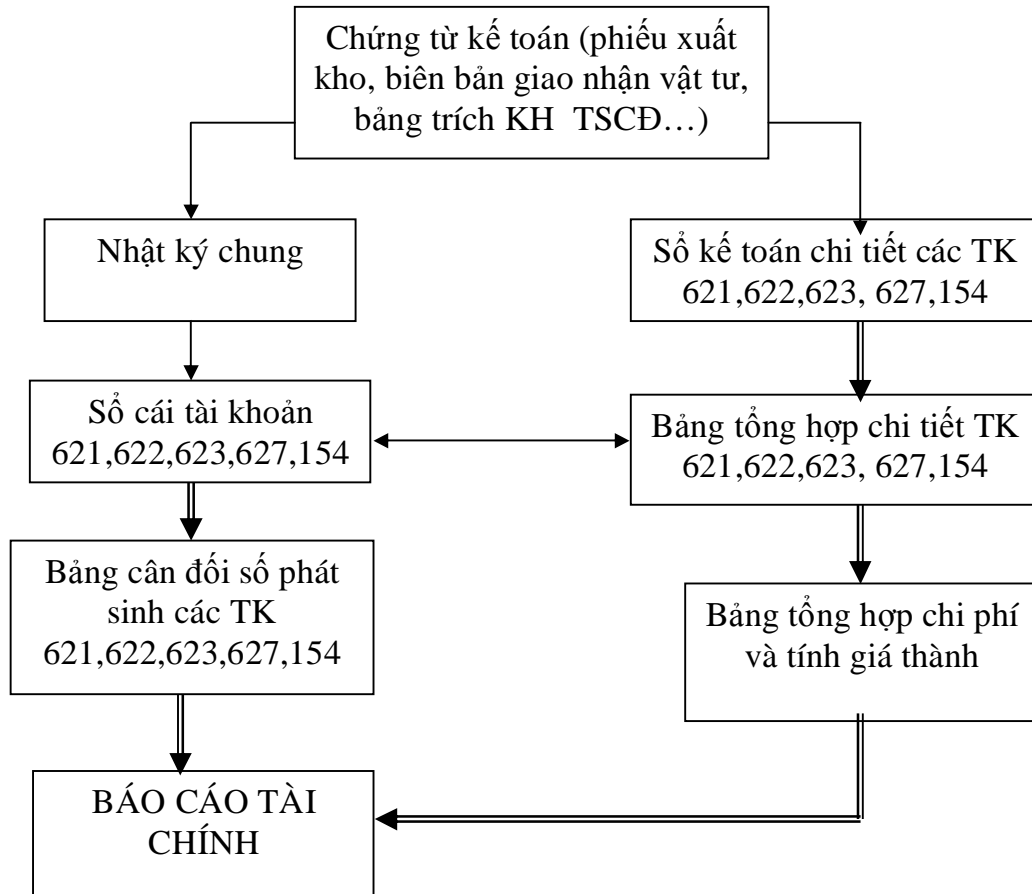
Trưêng híp Ới tữ ng tẾp híp chi phý s Ớn xuÊt lự theo nh Ớm s Ớn ph Ớm th Ớ hựng th ụ ng ho Ớ ch to ụ n chi phý s Ớn xuÊt theo nh Ớm s Ớn ph Ớm, khi họp thựnh th Ớ x ụ c Ớnh gi ụ thựnh Ớn v Ớ s Ớn ph Ớm. Phư Ớng ph ụ p nự Ới c ụ p dõng trong trưêng híp doanh nghiỘp x Ớy l Ớp c Ớng mét lóc thi c«ng mét c«ng tr Ớnh, h Ớng mớc c«ng tr Ớnh theo c Ớng mét thiỐt kỏ, c Ớng mét phư Ớng thợc thi c«ng tr Ớn c Ớng mét Ớ Ớ ỚiỚm.

Như v Ớy cũ nh Ớu phư Ớng ph ụ p kỏ to ụ n chi phý s Ớn xuÊt tữ Ớng Ớng ví i mự Ới tữ ng kỏ to ụ n chý s Ớn xuÊt cũ thỚ. X ụ c Ớnh Ớng Ớ Ớn Ới tữ ng kỏ to ụ n chi phý s Ớn xuÊt lự kh Ớu Ớ Ớu ti Ớn vự quan tr Ớng nh Ớt cũ cĩa c«ng t ụ c kỏ to ụ n chi phý s Ớn xuÊt vự tính gi ụ thựnh s Ớn ph Ớm. V Ớ thỚ doanh nghiỘp c Ớn dừa vựo ỚiỚu kiỚn cũ thỚ cũ m Ớnh như: y Ớu c Ớu qu Ớn lý, Ớ Ớ ỚiỚm tæ chóc s Ớn xuÊt... Ớ Ớ lừa chón Ới tữ ng vự phư Ớng ph ụ p kỏ to ụ n chi phý s Ớn xuÊt thých híp cho doanh nghiỘp m Ớnh.

3.2.2. Thực tr Ớng k Ớ to Ớn chi phý s Ớn xu Ớt t Ới cũ ph Ớn x Ớy dựng Ho Ớng Lộc dừi g Ớc đ Ớ k Ớ to Ớn t Ới ch Ớnh

Xu Ớt ph Ớt từ đ Ớc đ Ớm ho Ớt đ Ớng s Ớn xu Ớt kinh doanh cũ Công ty là kh Ới lựng nghiỘp vự kinh t Ớ ph Ớt sinh nhi Ớu n Ớn Công ty đ Ớ Ớp dựng hình thực ghi s Ớ k Ớ to Ớn “Nh Ớt ký chung”. V Ới hình thực này k Ớ to Ớn s Ớr dựng nh Ớng s Ớ s Ớch theo bi Ớu m Ớu quy đ Ớnh là các s Ớ Nh Ớt ký chung, S Ớ k Ớ to Ớn chi ti Ớt, S Ớ C Ới t Ới kho Ớn, b Ớng t Ớng họp chi ti Ớt, b Ớng cũn đ Ới s Ớ ph Ớt sinh. Tr Ớnh tự ghi s Ớ Công ty Ớp

dụng theo trình tự ghi sổ nhật ký chung. Trình tự luân chuyển chứng từ và tính giá thành ở Công ty được khái quát như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 3.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

- Hàng ngày, tháng hoặc quý, kế toán phải tập hợp toàn bộ chứng từ: Phiếu xuất kho, biên bản giao nhận vật tư, hợp đồng giao khoán, bảng chấm công, biên bản thanh lý hợp đồng, bảng trích khấu hao tài sản cố định...

- Căn cứ vào chứng từ gốc này, kế toán kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ đó đồng thời tiến hành phân loại chứng từ.

- Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán định khoản ghi vào Nhật ký chung, các chứng từ liên quan đến đối tượng cần thiết phải hạch toán chi tiết để ghi vào sổ chi tiết các TK621, TK622, TK623, TK627, TK154.

- Căn cứ vào các định khoản kế toán đã ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành chuyển số liệu vào Sổ Cái các TK621, TK622, TK623, TK627, TK154, mỗi tài khoản này đều được mở riêng một Sổ Cái.

- Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản trên, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết các TK621, TK622, TK623, TK627, TK 154. Đồng thời lập Bảng tổng hợp và tính giá thành.

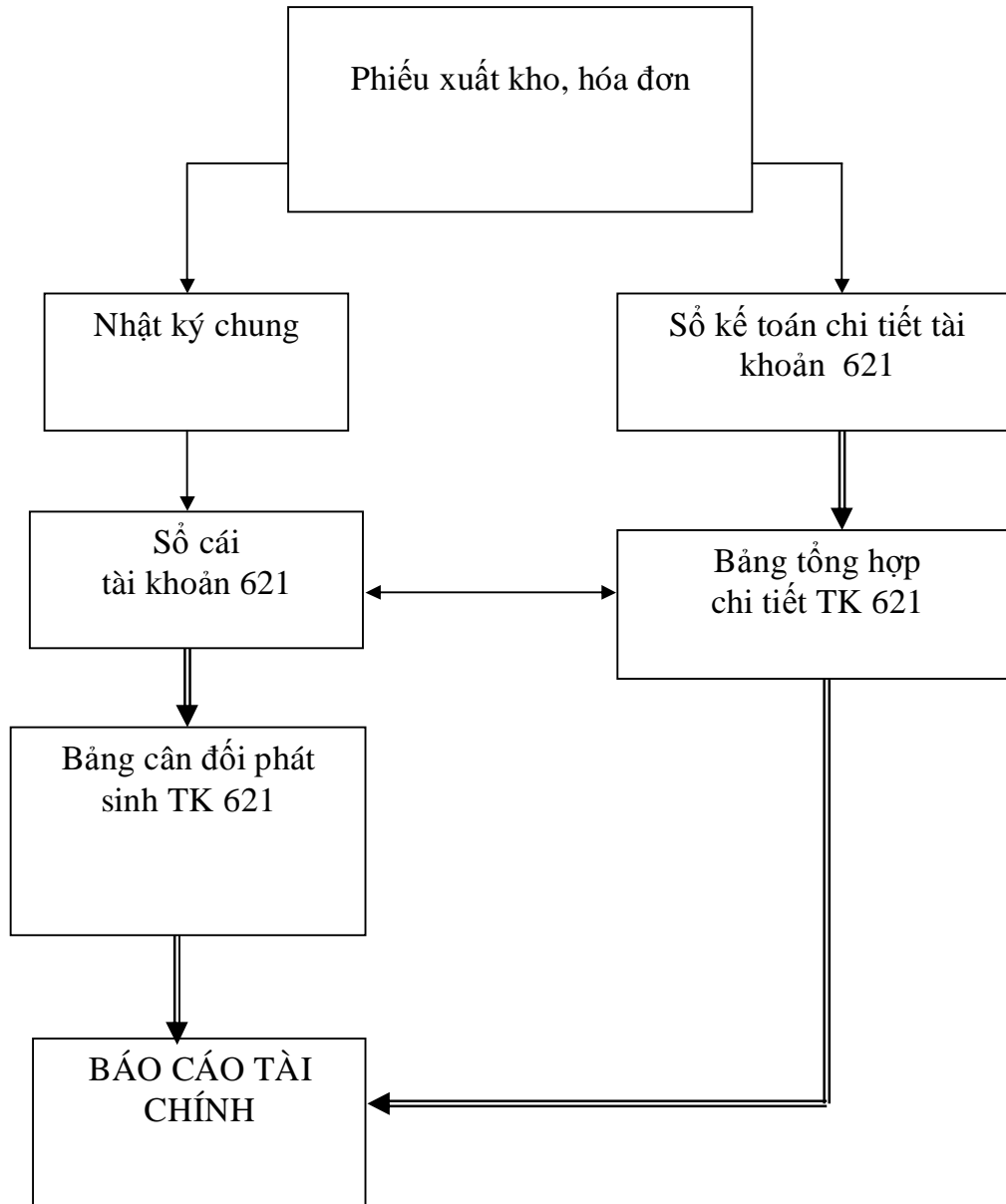
- Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên Sổ Cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh các TK621, TK622, TK623, TK627, TK154 để kiểm tra và theo dõi số phát sinh, số dư của các tài khoản đồng thời ghi các bút toán điều chỉnh. Từ đó, kế toán căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

3.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá trị công trình (chiếm 60-70% giá thành công trình). Do đó, việc hạch toán chính xác và đầy đủ khoản mục chi phí này có ý nghĩa rất lớn trong việc xác định chính xác giá thành công trình. Đồng thời cung cấp thông tin quan trọng cho nhà quản lý để đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí NVL nhằm hạ giá thành, nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

Công ty Cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc thực hiện cơ chế khoán gọn từng phần việc cụ thể, không khoán gọn toàn công trình. Mặt khác, do công trình thi công ở xa, việc luân chuyển chứng từ hàng ngày về phòng kế toán Công ty rất bất tiện. Do đó, tất cả các chứng từ khi phát sinh ở công trình, kế toán công trình phải lưu lại, có trách nhiệm phân loại chứng từ, định khoản các nghiệp vụ phát

sinh, định kỳ thực hiện việc tổng hợp, cộng số liệu... vào các bảng tổng hợp của riêng công trình rồi gửi về phòng kế toán của Công ty. Phòng kế toán sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ, bảng biểu do kế toán các công trình gửi lên, sau đó vào sổ Nhật ký chung, vào Sổ Cái các tài khoản liên quan và sổ chi tiết các tài khoản.



Sơ đồ 3.5: Sơ đồ hạch toán chi phí vật liệu trực tiếp tại công ty cổ phần xây dựng Hoàn Lộc

Chứng từ ban đầu để hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng là các Phiếu xuất kho vật tư, Biên bản giao nhận vật tư, phiếu hạn mức vật tư...cùng các chứng từ khác.

Khi xuất kho, thủ kho ghi số thực xuất lên phiếu xuất kho(Phụ lục 01) rồi ký giao cho nhân viên vận chuyển hoặc đội xây dựng. Hàng tháng, từ các phiếu xuất kho như trên, kế toán công trình lập bảng kê chi tiết vật tư xuất dùng(Phụ lục 02) rồi gửi về phòng kế toán của Công ty.

Hàng tháng, hoặc hàng quý, kế toán còn thực hiện các bút toán phân bổ chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho các đối tượng sử dụng.

Từ các chứng từ gốc hoặc bảng phân bổ NL, VL, CCDC(Phụ lục 03), bảng tổng hợp... Kế toán sẽ ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ chi tiết TK 621(Phụ lục 04), đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung, rồi từ đó ghi vào sổ Cái TK 621(Phụ lục 05).

3.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty

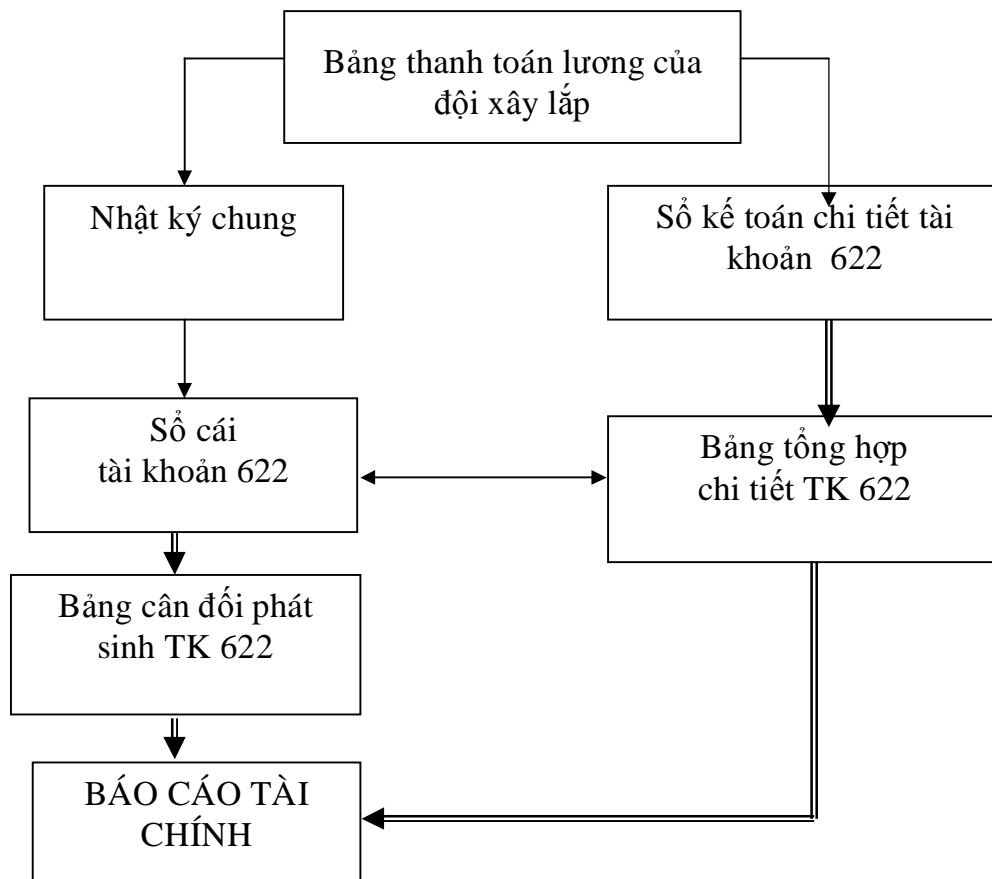
Chi phí nhân công trực tiếp là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành các công trình tại các công ty (10-15%) và có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ của công ty với người lao động do công ty quản lý và sử dụng. Do vậy việc hạch toán đúng, đủ chi phí nhân công trực tiếp không chỉ góp phần vào việc tính toán hợp lý, chính xác giá thành công trình mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tính lương, trả lương chính xác, kịp thời cho người lao động.

Hiện nay, lực lượng lao động ở Công ty gồm hai loại: công nhân viên chức trong danh sách (hợp đồng dài hạn) và công nhân viên chức ngoài danh sách (công nhân thuê ngoài).

Bộ phận công nhân viên chức trong danh sách gồm công nhân trực tiếp sản xuất và lao động gián tiếp (nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý kinh tế, nhân viên quản lý hành chính). Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm. Đối với lao động gián tiếp sản xuất, Công ty

trả lương khoán theo công việc của từng người (có quy chế trả lương riêng dựa theo cấp bậc, năng lực và công việc thực tế hoàn thành của từng người). Đối với bộ phận công nhân viên chức trong danh sách, Công ty tiến hành trích Bảo hiểm đúng quy định hiện hành.

Đối với bộ phận công nhân viên chức ngoài danh sách, Công ty không tiến hành trích các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo tháng mà đã tính toán trong đơn giá nhân công trả trực tiếp cho người lao động. Còn riêng Kinh phí công đoàn, Công ty vẫn trích như công nhân viên chức trong danh sách.



Sơ đồ 3.6: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc.

Chứng từ ban đầu để hạch toán tiền lương là hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, các bảng chấm công của các đội sản xuất trong đơn vị. Tại các đội, căn cứ vào ngày công làm việc và năng suất lao động của từng người, chất lượng và hiệu quả công việc, cấp bậc hiện tại để tính lương cho từng cá nhân trong tháng.

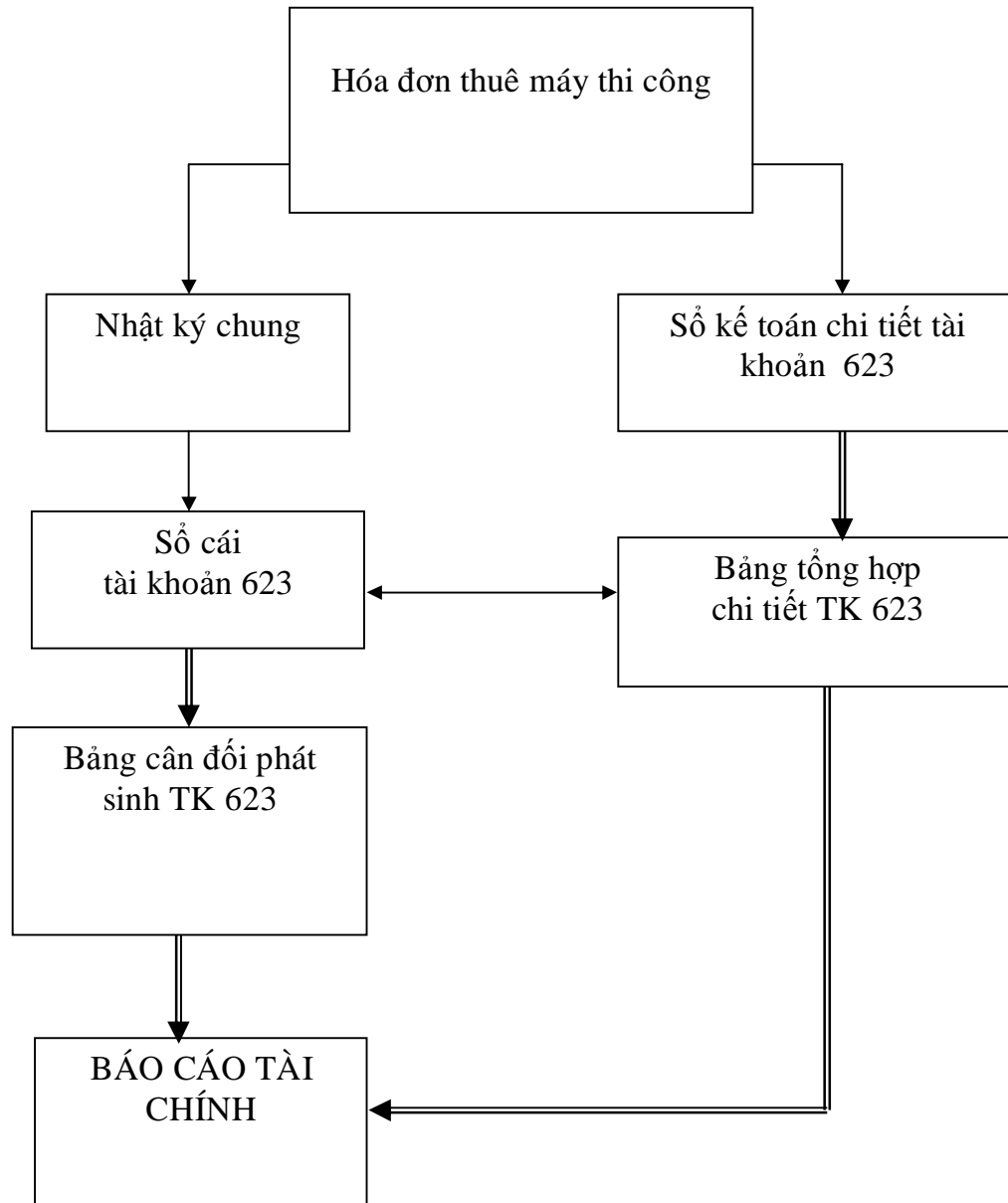
Hàng tháng, căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương của các đội xây lắp các công trình(Phụ lục 06), kế toán tiến hành tổng hợp vào Bảng thanh toán tiền lương tổng hợp của toàn công ty(Phụ lục 07), tính toán số tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) (Phụ lục 08)theo tỷ lệ quy định cho từng đối tượng (từng công trình). Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán sẽ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ chi tiết TK 622(Phụ lục 09), đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung rồi từ đó ghi vào sổ Cái TK 622(Phụ lục 10).

3.2.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty

Trong các doanh nghiệp xây lắp thường có các hình thức tổ chức sử dụng máy thi công khác nhau tùy vào đặc điểm của từng doanh nghiệp. Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc sử dụng hình thức thuê máy kèm theo công nhân điều khiển và phục vụ máy. Do các công trình thường ở xa, việc mua máy thi công không thể phân phối cho hết các công trình. Vì vậy, khi một công trường ký hợp đồng thi công công trình ở xa trung tâm, thường thuê toàn bộ (thuê trọn gói) cả máy và công nhân điều khiển. Khi có nhu cầu thuê máy phục vụ công trình, Giám đốc công trường đứng ra ký hợp đồng với bên cho thuê, trong đó phải nêu rõ thời gian thuê, thuê theo ca, giờ, tính thuế giá trị gia tăng, số tiền thuê máy, số tiền thuê nhân công và có chữ ký đầy đủ của bên đi thuê và bên cho thuê.

Căn cứ vào hợp đồng thuê máy như trên, kế toán công trường tiến hành tổng hợp số liệu, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ. Định kỳ, kế toán công trường gửi Bảng tổng hợp chi phí thuê máy thi công về phòng kế toán của Công ty để vào sổ sách liên quan.

Sơ đồ hạch toán tài khoản 623 được thực hiện như sau .



**Sơ đồ 3.7: Sơ đồ hạch toán tài khoản 623 tại công ty cổ phần xây dựng
Hoàng Lộc**

Khi công việc hoàn thành, máy thi công và chi phí thuê máy thi công được tính gộp vào một khoản trong hợp đồng thuê máy và tính riêng cho từng công

trình. Kế toán đội thi công tập hợp các chứng từ gốc thuê thiết bị gồm: Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng, gửi lên phòng kế toán.

Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ. Khi thanh lý hợp đồng thuê ngoài máy thi công, số tiền phải trả cho đơn vị cho thuê theo hợp đồng thuê, ghi:

Nợ TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 133 (Nếu được khấu trừ thuế GTGT)

Có TK 111,112,331...

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công sang TK 154 để tính giá thành:

Nợ TK 154(1) – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Trên cơ sở các chứng từ dưới các công trình chuyển lên phòng kế toán của công ty, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK 623(Phụ lục 11), đồng thời ghi sổ Nhật ký chung và vào Sổ Cái tài khoản 623(Phụ lục 12).

3.2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung tại Công ty

Để tập hợp chi phí quản lý và phục vụ thi công ở các đội xây lắp theo nội dung quy định và phân bổ hoặc kết chuyển chi phí SXC vào các đối tượng xây lắp có liên quan, tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc các khoản chi phí SXC được tập hợp vào TK 627– chi phí sản xuất chung và TK này được mở chi tiết như sau:

TK 627(1) – Chi phí nhân viên đội sản xuất

TK 627(2) – Chi phí vật liệu

TK 627(3) – Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 627(4) – Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 627(7) – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 627(8) – Chi phí khác bằng tiền

Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung bao gồm:

- *Chi phí nhân viên công trình:*

Chi phí về tiền lương nhân viên công trình, ban chủ nhiệm công trình được kế toán tập hợp, tính toán như đối với khoản mục chi phí nhân công trực tiếp và được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình.

- *Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất thuộc phạm vi phân xưởng, tổ, đội (công trình nhà thi đấu Lao Động):*

Nợ TK 627: 64.641.876

Có TK 152: 25.354.120

Có TK 153: 39.287.756

Do không tính được giá trị sử dụng cho từng đối tượng hạch toán chi phí nên khi các khoản chi phí này phát sinh, được hạch toán vào TK627 rồi cuối tháng tiến hành phân bổ. Cuối tháng, căn cứ vào bảng tổng hợp vật tư, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK627(Phụ lục 13).

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định:*

Hiện nay, máy móc thiết bị thi công ở ban chủ nhiệm công trình gồm hai loại:

Máy móc của công ty và máy móc đi thuê. Đối với tài sản cố định thuộc sở hữu của công ty, hàng tháng ban chủ nhiệm công trình phải tiến hành trích khấu hao cho từng tài sản cố định. Việc trích khấu hao được thực hiện theo phương pháp đường thẳng.

*Mức khấu hao năm = Nguyên giá tài sản cố định * Tỷ lệ khấu hao năm.*

Mức khấu hao bình quân tháng = Mức khấu hao năm / 12.

$$\begin{array}{l}
 \text{Mức KH TSCĐ} \\
 \text{trích tháng này}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Mức KH TSCĐ} \\
 \text{trích tháng} \\
 \text{trước}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Mức KH} \\
 \text{TSCĐ tăng} \\
 \text{trong tháng}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Mức KH} \\
 \text{TSCĐ giảm} \\
 \text{trong tháng}
 \end{array}$$

Đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì công ty vẫn quản lý, theo dõi bình thường nhưng không trích khấu hao nữa.

Do sự đa dạng của các loại TSCĐ trong công ty và mục đích sử dụng cũng khác nhau. Vì vậy có thể căn cứ hạch toán vào chi phí của các đối tượng sử dụng, kế toán TSCĐ sẽ lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ. Bảng có tác dụng phản ánh số khấu hao phải trích và phân bổ cho từng đối tượng sử dụng.

Định kỳ, dựa trên danh sách tài sản cố định đã được Cục quản lý vốn duyệt, kế toán tiến hành trích khấu hao và lập bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định(Phụ lục 14).

- Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài ở công ty bao gồm tiền điện, tiền nước, tiền thuê bao điện thoại, tiền thuê vận chuyển đất đai....khi các khoản chi phí này phát sinh, kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ, phiếu chi tiền mặt... để hạch toán và ghi vào sổ chi tiết TK627. Căn cứ vào các hoá đơn tiền điện, tiền điện thoại... phục vụ cho công trình nhà thi đấu Lao Động, kế toán ghi:

Nợ TK 627(7): 3.453.120

Nợ TK 133: 345.312

Có TK 331: 3.798.432

- Chi phí khác bằng tiền:

Chi phí khác bằng tiền bao gồm: Chi phí tiếp khách, giao dịch, bảo dưỡng máy móc, in ấn tài liệu...Căn cứ vào các chứng từ gốc có liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, giấy thanh toán tạm ứng, kế toán lên bảng kê chứng từ và tổng hợp vào sổ Cái TK 627 và sổ Nhật ký chung, đồng thời lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung.

Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ kế toán ghi sổ Nhật ký chung theo định khoản:

Nợ TK 627(4): 152.463.367

Có TK 214: 152.463.367

Căn cứ vào bảng kê chứng từ(Phụ lục 15) kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 627(8): 115.107.000

Có TK 1111: 115.107.000

Cuối tháng toàn bộ chi phí sản xuất chung được tập hợp lại và phân bổ cho từng công trình.

Dựa trên bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung cho toàn bộ công trình mà đội tham gia thi công, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí sản xuất chung phân bổ cho công trình xd nhà thi đấu Lao Động	$\frac{\text{Tổng chi phí SXC trong tháng}}{\text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp}}$	Chi phí nhân công trực tiếp của công trình xd nhà thi đấu quận Lao Động
--	---	---

Như vậy theo tiêu thức phân bổ trên kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho công trình XD nhà thi đấu Lao Động như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC phân} \\ \text{bổ cho CT XD nhà} \\ \text{thi đấu Lao Động} \end{array} = \frac{940.749.123}{1.292.403.000} \times 385.169.273 = 280.367.389$$

3.2.2.5. Tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc

Để hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất, kế toán sử dụng TK154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc đối tượng tập hợp chi phí các công trình, chi phí sản xuất liên quan đến công trình nào thì được tập hợp trực tiếp vào công trình đó trên các sổ sách kế toán.

Giá trị công trình hoàn thành trong quý được xác định theo phương pháp tổng hợp chi phí phát sinh từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành ở sổ chi tiết các khoản mục chi phí để tính giá thành.

Cuối quý, tập hợp chi phí sản xuất từng công trình, kế toán thực hiện bước kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho công trình đó.

Bút toán kết chuyển chi phí sản xuất công trình XD nhà thi đấu Lao Động được thực hiện như sau:

Nợ TK154: 1.867.495.772

Có TK621: 1.125.680.000

Có TK622: 385.169.273

Có TK623: 148.279.110

Có TK627: 280.367.389

Kế toán tổng hợp sau khi lấy số liệu để vào sổ Nhật ký chung thì tiến hành ghi vào Sổ Cái TK 154 của tất cả các công trình.

Cuối quý, cuối niên độ, kế toán tổng hợp lấy số liệu trên sổ chi tiết từng công trình để lập sổ tổng hợp chi phí thi công toàn đơn vị. Đồng thời tổng hợp tất cả các số liệu trên sổ chi tiết của các TK vào sổ chi tiết TK 154. Sau khi tập hợp chi phí sang TK 154, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm, song do Công ty không sử dụng TK 632 để xác định giá vốn của công trình hoàn thành mà kết chuyển ngay sang TK 911 để xác định kết quả khi khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao(Phụ lục số 17, 18, 19, 20, 21,22).

3.2.2.6. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty

Tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc , kế toán xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang theo các phương pháp sau:

Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành (hay còn gọi là khối lượng xây lắp chưa đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý) và được xác định theo công thức sau:

$$D'_{ckdt} = D_{ckdt} * \text{Mức độ hoàn thành}$$

Trong đó: + D'_{ckdt} là chi phí của khối lượng hay giai đoạn xây lắp hoàn thành tương đương.

+ D_{ckdt} là chi phí của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán.

Sau đó tính cho từng khoản mục theo công thức:

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C}{C_{htdt} + D'_{ckdt}} * D'_{ckdt}$$

Trong đó:

+ C là chi phí thực tế phát sinh trong kỳ (tính cho từng khoản mục)

+ D_{CK} , $D_{ĐK}$ lần lượt là chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn dở dang cuối kỳ và đầu kỳ.

+ C_{htdt} là chi phí của khối lượng hay giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ dự toán.

Do đặc thù của sản phẩm xây lắp là khối lượng lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài nên để phù hợp với yêu cầu quản lý, kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang theo quý.

Với công trình XD nhà thi đấu Lao Động do được tiến hành thi công và hoàn thành trong quý IV nên công trình này không có giá trị dở dang cuối kỳ. Mà toàn bộ chi phí tập hợp được trong tháng sẽ là tổng giá thành của công trình.

3.2.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất dưới góc độ kế toán quản trị

Công tác kế toán quản trị chi phí của công ty hiện nay chưa thực sự được quan tâm và thực hiện một cách đầy đủ. Cụ thể:

Về dự toán chi phí sản xuất, tại phòng vật tư của công ty có tiến hành xây dựng dự toán cho từng năm trên cơ sở số liệu thực tế của năm trước đó. Việc dự toán chủ yếu nhằm mục đích xác định lượng vật tư cần thu mua và tồn kho để

đảm bảo cho hoạt động sản xuất. Phần dự toán chỉ được lập ngay đầu năm theo kế hoạch sản xuất, không được lập và phân tích theo định kỳ.

- Chi phí NVL chính được xác định mức tiêu hao khi sản xuất ra 01 đơn vị thành phẩm trong đó giá mua nguyên liệu do phòng vật tư khảo sát trên thị trường.

- Công cụ dụng cụ được xác định dự toán chi phí cho cả năm (dựa vào năm trước và dự kiến sự biến động tăng giảm chi phí của năm kế hoạch) rồi sau đó tiến hành phân bổ cho một đơn vị sản phẩm theo sản lượng dự kiến sản xuất sản phẩm của năm kế hoạch.

- Tiền lương và các khoản phụ cấp của công nhân điều khiển: căn cứ vào đơn giá kế hoạch xây dựng trước kỳ kế hoạch.

Dự toán chi phí sản xuất của công ty là căn cứ để tiến hành chuẩn bị các yếu tố đầu vào phục vụ cho sản xuất và cuối cùng nó được so sánh với chi phí sản xuất để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu chi phí, giá thành sản xuất sản phẩm.

3.2.4. Thực trạng giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành gián đơn (phương pháp trực tiếp) cho từng công trình, hạng mục công trình. Toàn bộ chi phí thực tế phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao chính là giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp DD ĐK.} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ.} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp dở dang cuối} \\ \text{kỳ.} \end{array}$$

Từ các sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh của các tài khoản TK621, TK 622, TK 623, TK 627 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán sẽ lên phiếu

tính giá thành sản phẩm. Do CT XD nhà thi đấu Lao Động được thi công và hoàn thành trong thời gian từ 1/10/2015 đến ngày 31/12/2015 nên không có giá trị dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Chi phí tập hợp được tính là giá thành công trình luôn.

CHƯƠNG IV

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG LỘC

4.1. Đánh giá thực trạng của công ty

4.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán tại Công ty

- *Thứ nhất*, hình thức sổ kế toán Công ty áp dụng: Hình thức kế toán mà Công ty Cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Hình thức Nhật ký chung có ưu điểm là đơn giản, dễ áp dụng, hệ thống sổ không phức tạp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh phản ánh rõ ràng trên sổ kế toán theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản, thuận lợi cho việc tổ chức hạch toán cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu, phù hợp với tổ chức bộ máy kế toán.

- *Thứ hai*, đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: Một trong những ưu điểm nổi bật trong việc tính giá thành sản phẩm của Công ty là việc xác định đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng, từng công trình hay hạng mục công trình. Sự phù hợp giữa đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành là cơ sở giúp cho việc tính giá thành được đơn giản mà vẫn bảo đảm tính chính xác cao.

Sử dụng phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm xây lắp của Công ty. Nhìn chung việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đã đáp ứng được yêu cầu quản lý mà Công ty đặt ra, đảm bảo sự thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán và các bộ phận liên quan.

Trong kinh doanh xây dựng cơ bản, hình thức trả lương theo thời gian không còn phù hợp nữa. Do đó, Công ty đã áp dụng hình thức khoán sản phẩm. Đây là hình thức quản lý tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công công trình,

tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư tiền vốn, có tác động tích cực đến việc hạ giá thành sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- **Thứ ba**, hoạch toán lương và các khoản trích theo lương: Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm, người nào làm nhiều thì lương cao tính tỷ lệ với sản phẩm đã làm ra, đối với lao động gián tiếp sản xuất, công ty trả lương khoán cho công việc của từng người. Hình thức trả lương này hoàn toàn phù hợp với cơ chế hiện nay, ngoài ra, ở Công ty còn có chế độ lương thưởng, phụ cấp nhằm khuyến khích công nhân làm việc tăng năng suất lao động. Đối với việc trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, Công ty đã tiến hành trích tỷ lệ % theo đúng quy định.

- **Thứ tư**, việc phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức CPNCTT: Đối với những công trình thi công khối lượng nhỏ, cần ít nhân công trực tiếp thì Công ty nên áp dụng việc phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức này nhằm giảm bớt chi phí công trình, tuy nhiên đối với những công trình cần nhiều nhân công thì việc phân bổ theo tiêu thức chi phí nhân công trực tiếp sẽ gặp khó khăn trong việc giảm chi phí, mà phần lớn các công trình thi công của Công ty thường là các công trình lớn, số lượng nhân công nhiều mới đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ công trình.

Những ưu điểm về quản lý và tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm xây lắp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Lộc không tránh khỏi những khó khăn tồn tại nhất định cần phải hoàn thiện.

4.1.2. Những tồn tại

- **Thứ nhất**, hiện nay tại công ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc kế toán chi phí sử dụng máy thi công hoạch toán trên tài khoản 623 nhưng không được mở

chi tiết theo từng yếu tố như nguyên vật liệu, nhân công, khấu hao . Điều này giúp cho công việc quản lý chi phí theo từng khoản mục gặp nhiều khó khăn nhất là công tác quản trị chi phí.

- **Thứ hai**, việc phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức CP NCTT: Phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty hiện nay là hợp lý. Tuy nhiên, việc phân bổ chi phí sản xuất chung còn có những điểm không đúng đắn. Chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí nên không thể tập hợp trực tiếp được mà phải phân bổ cho từng đối tượng theo một tiêu thức nhất định. Trong kế toán Doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng tiêu thức phân bổ là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Việc xác định đúng tiêu thức phân bổ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tính đúng đắn và đầy đủ giá thành sản phẩm. Hiện nay, Công ty tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung theo chi phí nhân công trực tiếp. Việc phân bổ theo tiêu thức này sẽ gây ra tình trạng chi phí chung phân bổ cho từng công trình không được phản ánh chính xác dẫn đến sự sai lệch trong giá thành sản phẩm. Vì có những công trình mặc dù khối lượng nhỏ nhưng đòi hỏi tiến độ thi công nhanh nên Công ty phải huy động lực lượng nhân công lớn. Do đó, việc phân bổ theo tiêu thức chi phí nhân công trực tiếp không đảm bảo được tính đúng đắn của chế độ, đồng thời ảnh hưởng khá lớn đến việc tính giá thành sản phẩm.

- **Thứ ba**, Công ty chưa tổ chức bộ máy kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp cũng như việc phục vụ quản lý, điều hành, kiểm tra và ra quyết định hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc phân loại CPSX phục vụ cho công tác quản trị vẫn chưa được coi trọng, Công ty vẫn phân loại chi phí giống kế toán tài chính là theo từng khoản mục chi phí nên chỉ đáp ứng được yêu cầu của việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp mà chưa chú trọng đến việc phân loại chi phí thành biến

phí và định phí. Do đó doanh nghiệp không đánh giá được mức độ tiết kiệm chi phí khi xây dựng các công trình, hạng mục công trình; nhà quản trị không xem xét được khi mức độ hoạt động biến động thì chi phí sẽ biến động như thế nào để lập kế hoạch và ra quyết định đúng đắn.

Việc thiết kế, sử dụng định mức chi phí chủ yếu là do bộ phận kế hoạch và kỹ thuật của doanh nghiệp thực hiện mà chưa có sự tham gia của bộ phận kế toán, điều này dẫn đến sự hạn chế trong việc so sánh giữa chi phí lập định mức và chi phí thực hiện, sự chính xác của việc lập định mức so với thực tế để từ đó làm định mức rút ra kinh nghiệm cho những công trình, hạng mục công trình khác.

Công ty chưa quan tâm đến việc phân loại và tập hợp chi phí theo các trung tâm trách nhiệm để phục vụ cho việc lập định mức, kế hoạch và đánh giá tình hình thực hiện của mỗi trung tâm.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do trình độ của nhân viên kế toán không đồng nhất, trình độ chuyên môn về kế toán quản trị còn thấp nên không thấy được tầm quan trọng của Kế toán quản trị trong việc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

4.2. Yêu cầu về việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Với sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, của nền kinh tế mở đã buộc các doanh nghiệp mà đặc biệt là các doanh nghiệp XDCCB phải tìm ra con đường đúng đắn và phương án sản xuất kinh doanh (SXKD) tối ưu để có thể đứng vững trong nền kinh tế thị trường, dành lợi nhuận tối đa. Cơ chế hạch toán đòi hỏi các doanh nghiệp XDCCB phải trang trải được các chi phí bỏ ra và có lãi. Mặt khác, các công trình XDCCB hiện nay đang tổ chức theo phương thức đấu thầu. Do vậy, giá trị dự toán được tính toán một cách chính xác và sát xao. Điều này không cho phép các doanh nghiệp XDCCB có thể sử dụng lãng phí vốn đầu tư. Để đáp ứng yêu cầu này, các doanh

ng nghiệp trong quá trình sản xuất phải tính toán được các chi phí sản xuất bỏ ra một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời. Hạch toán chính xác chi phí là cơ sở để tính đúng, tính đủ giá thành. Từ đó giúp cho doanh nghiệp tìm mọi cách hạ thấp chi phí sản xuất tới mức tối đa, hạ thấp giá thành sản phẩm – biện pháp tốt nhất để tăng lợi nhuận.

Hạch toán kế toán có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình quản lý, nó cung cấp các thông tin tài chính cho người quản lý đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng, giúp cho lãnh đạo ra những quyết định quản lý hợp lý và đồng thời kiểm tra sự đúng đắn của các quyết định đó sao cho doanh nghiệp làm ăn có lãi và đứng vững trong điều kiện cạnh tranh của cơ chế thị trường.

Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giúp ích rất nhiều cho hạch toán kinh tế nội bộ của doanh nghiệp. Sử dụng hợp lý thông tin này sẽ tạo đòn bẩy kinh tế tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp xây lắp thông tin này là cơ sở kiểm soát vốn đầu tư XD CB. Vì vậy việc tổ chức công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc quan trọng giúp cho doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả của yếu tố (từng đồng) chi phí phải bỏ ra, từ đó có được các quyết định chính xác trong việc tổ chức và điều hành sản xuất.

Chính vì vậy, yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc là việc làm hết sức cần thiết hiện nay.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn giữ vai trò hết sức quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành, tăng cường năng lực cạnh tranh của

công ty. Điều này đòi hỏi việc hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phải đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được tiến hành đồng bộ, từ khâu lập chứng từ kế toán, vận dụng tài khoản kế toán, sổ kế toán được phản ánh đúng, đủ, kịp thời và chính xác chi phí sản xuất kinh doanh, hoàn thiện phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang nhưng phải dựa trên cơ sở kế thừa, chọn lọc những nội dung đã có, hoàn thiện nội dung còn thiếu hay còn tồn tại, xây dựng những nội dung mới cho phù hợp với nhu cầu quản lý thực tế, phải dựa trên thực trạng của Công ty có tính tới các yếu tố liên quan như: định hướng phát triển của ngành, các chính sách vĩ mô của nhà nước, đặc điểm sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức, năng lực của cán bộ quản lý cũng như cán bộ kế toán của công ty....

Thứ hai, nội dung hoàn thiện phải phù hợp với thông lệ, chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quốc tế, tuân thủ các chế độ, chính sách tài chính kế toán hiện hành của Nhà Nước. Yêu cầu này nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính thống nhất của Nhà Nước, cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chính xác, trung thực cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Thứ ba, hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phải đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế. Đặc biệt, thông tin kế toán phải cung cấp chính xác, kịp thời cho việc ra quyết định của lãnh đạo đơn vị nhằm tăng cường quản trị.

Thứ tư, hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành phải đảm bảo triệt để tiết kiệm và có hiệu quả. Yêu cầu này đòi hỏi khi hoàn thiện phải phát huy được vai trò, nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời, lợi ích thu được do các nội dung hoàn thiện mang lại phải nhiều hơn so với chi phí bỏ ra.

4.3. Giải pháp hoàn thiện

4.3.1. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính

4.3.1.1. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán

Mô hình kế toán của Công ty là mô hình kế toán tập trung nên toàn bộ chứng từ phát sinh đều phải tập hợp về Công ty để tiến hành ghi sổ kế toán nhưng có những công trình ở xa nên việc luân chuyển chứng từ chậm trễ làm ảnh hưởng tới công tác kế toán, dồn công việc vào cuối kỳ, dẫn đến sai sót không đáng có như ghi thiếu, ghi nhầm. Để giảm tình trạng luân chuyển chứng từ chậm và giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán vào cuối tháng, cuối quý và theo dõi sổ, cập nhật chứng từ chính xác thì việc xuống kho lấy chứng từ xuất nhập được tiến hành thường xuyên. Hoặc Công ty có thể xây dựng mô hình kế toán vừa tập trung vừa phân tán: Công ty nên xem xét các đội sản xuất nào đã hình thành từ lâu, có kinh nghiệm, có khả năng thì cho các đội tiến hành hạch toán, ghi sổ riêng, hàng kỳ lập báo cáo gửi về Công ty. Đối với các đội mới thành lập, chưa có khả năng hạch toán độc lập thì vẫn tập hợp chứng từ về Công ty bình thường như hiện nay. Công ty cần có chế độ thưởng phạt rõ ràng trong việc luân chuyển chứng từ của các đội, xí nghiệp về Công ty.

Việc luân chuyển chứng từ chậm trễ không chỉ do nguyên nhân khách quan là các công trình ở xa mà còn do các đội thi công chưa ý thức được tầm quan trọng của việc luân chuyển chứng từ kịp thời nên Công ty cần có chính sách chỉ được tạm ứng tiền cho các đội trưởng công trình khi họ đã trả đủ chứng từ cho lần tạm ứng trước và xác định rõ thời hạn thanh toán tạm ứng. Làm như vậy sẽ nâng cao được trách nhiệm của đội trưởng công trình với các chứng từ chi phí cũng như nộp chứng từ cho phòng kế toán đúng thời gian quy định. Đồng thời, tạo điều kiện cho công tác kiểm tra tiêu hao vật tư theo định mức từ đó kịp thời điều chỉnh tránh thất thoát vật tư và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất tháng, quý được chính xác

Một số trường hợp nhận vật tư trước, trả tiền sau, Công ty cần thông qua hợp đồng kinh tế để ràng buộc về tiến độ cũng như chất lượng cung ứng vật tư. Việc này cũng giúp hạn chế chủ công trình tự mua chịu vật tư, tránh việc luân chuyển chứng từ về phòng kế toán chậm.

4.3.1.2. Hoàn thiện kế toán các khoản mục chi phí sản xuất

*** Hoàn thiện kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Hiện nay công tác kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của Công ty còn nhiều bất cập. Để quản lý tốt và kiểm soát khoản mục chi phí NVL trực tiếp, cần hoàn thiện những việc sau:

Thứ nhất, tất cả NVL mua về cho dù chuyển thẳng đến chân công trình nhưng ở đó vẫn có kho tạm nên đơn vị cần phải làm thủ tục kiểm kê, bàn giao, ký nhận NVL giữa các thành phần có liên quan đảm bảo vật tư mua về đúng số lượng, chủng loại và đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng để đưa vào thi công. Đặc biệt, trong trường hợp giao khoán vật tư cho các đội xây dựng, kế toán phải kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ mua hàng do đội gửi lên một cách chặt chẽ, tránh tình trạng mua hoá đơn, kê khai không lượng vật liệu đã mua.

Thứ hai, dựa trên thiết kế kỹ thuật được duyệt và hồ sơ trúng thầu, bảng tiến độ thi công chi tiết tại công trường, hàng tháng yêu cầu các đội lập bảng kế hoạch nhu cầu vật tư có sự phê duyệt của phòng kế hoạch, phòng vật tư và phòng kỹ thuật thi công. Bảng kế hoạch này là cơ sở để đánh giá tình hình sử dụng vật tư thực tế. Cuối tháng, quý phòng kế hoạch cùng kế toán công ty cần tiến hành việc tổng hợp vật liệu tiêu hao trong kỳ theo từng nhóm vật liệu cho từng công trình, HMCT và tiến hành phân tích, so sánh với định mức tiêu hao vật liệu để đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, vật tư đồng thời có biện pháp xử lý kịp thời đối với trường hợp phát sinh ngoài định mức.

Thứ ba, trong khâu dự trữ và bảo quản, để quá trình sản xuất không bị gián đoạn cũng như không được dự trữ quá lượng cần thiết gây ứ đọng vốn, tổn

diện tích tồn kho nguyên vật liệu, đòi hỏi Công ty cần phải dự trữ nguyên vật liệu đầy đủ đồng thời phải thực hiện chế độ bảo quản theo tính chất lý hoá học của vật liệu.

Thứ tư, cuối mỗi kỳ, kế toán cần tiến hành kiểm kê vật tư còn lại tại công trường chưa sử dụng kết chuyển kỳ sau và lập bảng theo dõi số lượng, giá trị của vật tư.

Thứ năm, trong trường hợp phá dỡ công trình cũ, công ty cần tổ chức thu hồi phế liệu chặt chẽ tránh thất thoát, lãng phí. Nguồn vật liệu này có thể tận dụng nhằm sử dụng cho công trình mới hoặc có thể bán đi tăng thu nhập cho công ty.

***Hoàn thiện kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Việc hạch toán chính xác chi phí nhân công trực tiếp của từng công trình, HMCT nhằm giúp cho lãnh đạo DN dễ dàng so sánh, đối chiếu chi phí nhân công thực tế phát sinh so với dự toán, phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát khoản mục chi phí này. Công tác hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp cần hoàn thiện sau:

- Không hạch toán tiền lương của công nhân vận hành máy thi công vào TK622 hoặc TK627 mà hạch toán vào TK623. Mặt khác, Công ty cần phân bổ CPSX chung theo các tiêu thức hợp lý như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp hoặc tổng chi phí trực tiếp phát sinh.

- Không hạch toán vào TK 622 tiền lương nhân viên quản lý đội mà hạch toán vào TK 627.

***Hoàn thiện kế toán khoản mục chi phí sử dụng máy thi công**

Phản ánh vào chi phí sử dụng máy thi công toàn bộ các chi phí liên quan tới sử dụng, vận hành máy thi công bao gồm: tiền lương và các khoản phụ cấp của công nhân điều khiển, phục vụ máy thi công, chi phí nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho máy hoạt động, chi phí khấu hao máy thi công và các chi phí liên quan phục vụ cho hoạt động của máy.

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công cần theo nguyên tắc: Chi phí sử dụng máy thi công liên quan trực tiếp đến công trình nào thì tập hợp trực tiếp công trình đó, các chi phí máy thi công liên quan đến nhiều công trình sẽ được tập hợp chung, cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ cho từng đối tượng liên quan theo các tiêu thức như: số giờ máy hoạt động, ca máy hoạt động...các chỉ tiêu này được theo dõi trên nhật trình máy thi công. Các khoản trích theo lương của công nhân viên sử dụng máy thi công(BHXH, BHYT, BHTN,KPCĐ) không hạch toán vào tài khoản này

- Mở tài khoản cấp 2 của TK 623 để hạch toán chi tiết các khoản chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình. Có như vậy kế toán mới có cơ sở lập dự toán chi phí chính xác và lập kế hoạch thi công, kế hoạch cắt giảm chi phí hiệu quả. Cụ thể là:

+) TK 6231 - Chi phí nhân công: Dùng để phản ánh lương chính, lương phụ, phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển xe, máy thi công. TK này không phản ánh khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tỷ lệ trên tiền lương của công nhân sử dụng xe, máy thi công. Khoản trích này phản ánh vào TK 627.

+) TK 6232 - Chi phí vật liệu (xăng, dầu...) phục vụ xe, máy thi công.

+) TK 6233 - Chi phí dụng cụ sản xuất: Dùng để phản ánh công cụ dụng cụ lao động liên quan tới hoạt động của xe, máy thi công.

+) TK 6234 - Chi phí khấu hao máy thi công: Dùng để phản ánh khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.

+) TK 6237 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Dùng để phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài như thuê ngoài sửa chữa xe, bảo hiểm xe, máy thi công, chi phí điện nước, chi tiền thuê TSCĐ.

Trong kỳ, nếu có chi phí sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc phát sinh thì công ty thường hạch toán luôn vào chi phí máy thi công của công trình, hạng mục công trình đó, như vậy sẽ đội giá thành của công trình làm cho việc hạch

toán chi phí sản xuất và tính giá thành các công trình không chính xác. Do vậy, công ty nên trích trước khoản chi phí này và phân bổ cho các công trình.

***Hoàn thiện kế toán khoản mục chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong tổng chi phí sản xuất nên việc hạch toán chính xác chi phí sản xuất chung sẽ góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất chung phát sinh trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp vào công trình, hạng mục công trình đó. Đối với những khoản chi phí sản xuất gián tiếp thì Công ty cần tiến hành phân bổ cho các công trình, hạng mục công trình. Phải lựa chọn các tiêu thức phân bổ CPSX chung một cách phù hợp: Theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, hoặc tổng chi phí trực tiếp phát sinh

Phải hạch toán vào chi phí sản xuất chung các khoản BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ trích trên tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất và nhân công vận hành máy thi công. (Phụ lục số 22, 31). Hạch toán tiền lương nhân viên quản lý đội vào TK 627 và không hạch toán tiền lương nhân công điều khiển máy thi công vào TK 627.

***Hoàn thiện phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang**

Việc xác định giá trị sản phẩm dở dang ở Công ty chỉ mang tính hình thức trên sổ sách. Vì vậy, công ty cần hoàn thiện phương pháp xác định sản phẩm dở dang như sau:

Trước khi đánh giá sản phẩm dở dang cần tiến hành kiểm kê, xác định khối lượng xây lắp dở dang, ghi rõ vào biên bản khối lượng đó thuộc đối tượng nào, theo loại công việc hoặc giai đoạn xây dựng nào, mức độ hoàn thành là bao nhiêu, sau đó lựa chọn phương pháp đánh giá và áp dụng phương pháp sau đây để đánh giá sản phẩm dở dang:

- Trường hợp bàn giao thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ, chi phí sản xuất dở dang thực tế được xác định như sau:

$$\text{Giá trị dở dang của công trình, HMCT} = \frac{\text{Tổng cộng CPSX từ khi khởi công}}{\text{đến cuối kỳ kế toán}} \quad (1.14)$$

- Trường hợp bàn giao, thanh toán theo định kỳ khối lượng hoàn thành của từng loại công việc hoặc bộ phận kết cấu, xác định chi phí thực tế của khối lượng dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá thành dự toán của từng KL dở dang} = \frac{\text{Khối lượng dở dang}}{\text{Đơn giá dự toán}} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành} \quad (1.15)$$

$$\begin{array}{l} \text{CPSX thực tế của khối lượng DD cuối kỳ} \\ \text{CP thực tế phát sinh trong kỳ} \\ \text{ZDT của khối lượng dở dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí thực tế DD đầu kỳ}}{\text{Z dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ}} + \frac{\text{Tổng ZDT của các KL dở dang cuối kỳ}}{\text{ZDT của khối lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{CP thực tế phát sinh trong kỳ} \quad (1.16)$$

Do vậy, ngoài việc lập bảng kê chi phí sản xuất dở dang, Công ty cần lập thêm bảng kê giá trị KLXL theo dự toán.

***Hoàn thiện bảng tổng hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm**

Do đặc thù của ngành xây lắp nên sản phẩm cuối cùng của Công ty là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao. Nhưng do tính chất của hoạt động xây dựng là thời gian thi công thường kéo dài nên căn cứ vào phương thức thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để quyết định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

Có nhiều phương pháp để tính giá thành sản phẩm xây lắp: Phương pháp trực tiếp, phương pháp tổng cộng chi phí, phương pháp tỷ lệ, phương pháp liên

hợp. Do đặc thù của ngành nên quá trình xây lắp phải chia thành nhiều giai đoạn, vì vậy phương pháp tính giá thành phù hợp các công ty nên áp dụng là phương pháp tổng cộng chi phí.

Trên thực tế, mỗi công ty lập bảng tổng hợp CPSX và tính giá thành theo mẫu riêng không thống nhất (như đã trình bày trong chương 3), vì vậy rất khó khăn cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán giá thành để đánh giá hoạt động SXKD của các công ty. Do đó, cần có giải pháp hoàn thiện để thống nhất việc lập bảng tổng hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm. Bảng tổng hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm của Công ty có thể lập theo mẫu sau.

Bảng 4.1: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

ST T	Tên CT, HMCT	CPSX dở dang đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ					CPSX dở dang cuối kỳ	Giá thành SPXL	Chi phí quản lý DN	Giá thành toàn bộ
			NV L	NC	SX C	MT C	Cộng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)+(7)	(9)	(10)=(3)+(8)-(9)	(11)	(12)=(10)+(11)
	Cộng										

Ngày ...tháng...năm....

Người lập

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ và tên)

4.3.2. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị

4.3.2.1. Hoàn thiện việc phân loại chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp

Kế toán quản trị đã được hình thành và phát triển rất mạnh trên thế giới. Trong khi ở Việt Nam, kế toán quản trị là lĩnh vực khá mới mẻ, được xây dựng và phát triển ở mức độ thấp. Kế toán quản trị và kế toán tài chính có mối quan hệ mật thiết với nhau về nguồn thông tin, nguồn gốc số liệu, tài liệu, hệ thống báo cáo. Tuy nhiên các thông tin mà kế toán tài chính cung cấp chỉ là tài liệu phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã qua, số liệu mang tính lịch sử, không đủ đáp ứng yêu cầu của nhà quản trị trong DN, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Còn thông tin của kế toán quản trị linh hoạt và kịp thời thích hợp với những quyết định cụ thể của người quản lý. Vì vậy mô hình tổ chức bộ máy kế toán phù hợp nhất hiện nay tại các DN là mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin kế toán cho cả đối tượng bên ngoài và bên trong của DN.

Hiện nay Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc đang thực hiện phân loại chi phí theo nội dung kinh tế, mục đích công dụng của chi phí. Việc phân loại này chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nhà quản trị. Do vậy cần phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được phân thành: Biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

Mục đích của cách phân loại này là kế toán có thể cung cấp cho các nhà quản trị doanh nghiệp những thông tin về sự biến động của từng yếu tố chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí biến đổi, chi phí cố định...theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Theo cách phân loại này, khi mức độ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thay đổi, các nhà quản trị có thể biết được các chi phí này tăng hay giảm, mức độ tăng giảm là bao nhiêu.

Tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc , việc phân loại chi phí sản xuất nên cụ thể như sau:

- Biến phí: Là những chi phí thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất, ví dụ như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp.

- Định phí: Là những chi phí không thay đổi theo số lượng sản phẩm như chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất trực tiếp và công nhân quản lý phân xưởng tính theo thời gian, cấp bậc.

- Chi phí hỗn hợp: Là những chi mang đặc trưng của cả hai loại chi phí trên bao gồm chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí sản xuất kinh doanh nên được phân loại theo cách ứng xử của chi phí phục vụ kế toán quản trị theo bảng sau:

Bảng 4.2: Bảng phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

Tên TK	Nội dung TK	Biến phí	Định Phí	Chi phí hỗn hợp	Ghi chú
621	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	×			
622	Chi phí nhân công trực tiếp	×			
623	Chi phí sử dụng MTC			×	
6232	Chi phí vật liệu	×			
6233	Chi phí dụng cụ SX		×		
6234	CP khấu hao MTC		×		
6237	CP DV mua ngoài			×	
6238	CP bằng tiền khác			×	
627	CPSX chung			×	
6271	CP nhân viên PX	×			
6272	Chi phí vật liệu PX		×		
6273	CP dụng cụ sản xuất		×		
6274	CP khấu hao TSCĐ		×		
6277	CP dịch vụ mua ngoài			×	
6278	CP bằng tiền khác.			×	

Đối với chi phí hỗn hợp, muốn tách biệt định phí và biến phí công ty áp dụng một trong hai phương pháp: Phương pháp cực đại - cực tiểu, Phương pháp bình phương bé nhất.

Việc phân chia chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp thành biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp giúp công ty kiểm soát được chi phí và lập dự toán chi phí hợp lý hơn, có những quyết định phù hợp với từng loại chi phí để công ty có thể tiết kiệm tổng biến phí, nâng cao hiệu lực của định phí trong sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, các nhà quản lý trong Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc chưa phân loại chi phí sản xuất thành chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được. Thông thường, các nhà quản lý cấp cao trong công ty có nhiều quyền quyết định và kiểm soát chi phí hơn những nhà quản lý cấp dưới. Tuy nhiên các nhà quản lý cấp dưới lại là người sử dụng các tài sản gắn với những chi phí mà bản thân họ không kiểm soát được. Ví dụ, người quản đốc phân xưởng có thể kiểm soát chi phí nguyên vật liệu sản xuất nhưng không kiểm soát được chi phí khấu hao máy móc sản xuất vì họ không có quyền quyết định. Do vậy, để sử dụng tài sản hiệu quả, từng cấp quản lý trong công ty nên xác định rõ chi phí nào có thể kiểm soát được, chi phí nào không kiểm soát được. Đối với những chi phí không kiểm soát được các cấp quản lý phải có biện pháp tiết kiệm nhằm ổn định giá thành sản phẩm.

4.3.2.2 Xây dựng các định mức chi phí

Việc xây dựng các định mức chi phí rất quan trọng đối với công tác quản trị của công ty vì:

- Hệ thống định mức chi phí là nền tảng để xây dựng dự toán. Bảng tổng hợp các định mức như định mức chi phí sản xuất, định mức chi phí quản lý phân xưởng...được xem như một phần nội tại của việc lập dự toán.

- Xây dựng hệ thống định mức và kiểm tra định mức là một biện pháp để động viên nhân viên cố gắng thực hiện các công việc được giao cao hơn so với định mức, tiết kiệm chi phí thấp hơn so với định mức.

- Mọi chênh lệch giữa chi phí định mức và chi phí thực hiện đều được kiểm tra kịp thời, tìm nguyên nhân để giải quyết giúp cho các nhà quản trị trong công ty có thể đưa ra các quyết định quan trọng đối với doanh nghiệp.

Việc xây dựng định mức chính xác đòi hỏi đội ngũ nhân viên, kỹ thuật có trình độ am hiểu kỹ thuật, kết hợp với bộ phận kế toán quản trị có đủ trình độ thực hiện. Qua khảo sát thực tế, công ty chưa chú trọng xây dựng định mức chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy trong quá trình thi công, phần hao hụt của chi phí nguyên vật liệu tính trực tiếp vào chi phí nguyên vật liệu dẫn đến việc xác định giá thành sản phẩm xây lắp không chính xác. Mặt khác, giá của nguyên vật liệu, chi phí khác bằng tiền luôn thay đổi và có xu hướng tăng theo thị trường. Chất lượng nguyên vật liệu mỗi đợt khác nhau, muốn chất lượng luôn đảm bảo công ty phải xác định tồn thêm chi phí. Rõ ràng vấn đề xây dựng định mức chi phí rất quan trọng, nó giúp cho công ty tính toán giá thành sản phẩm hợp lý hơn. Xây dựng định mức chi phí bao gồm: Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức chi phí nhân công trực tiếp và định mức chi phí sản xuất chung.

▼ Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để quá trình thi công được diễn ra liên tục và sử dụng vốn có hiệu quả, thông qua tình hình thi công của từng công trình, hạng mục công trình trước đó, công ty xây dựng định mức sử dụng chi phí cho từng công trình và hạng mục công trình. Ngoài ra, công ty cần xây dựng định mức tiêu hao, hao hụt cho phép chi tiết cho từng nguyên vật liệu, vì mỗi loại nguyên vật liệu có sự hao hụt khác nhau. Việc xây dựng định mức tiêu hao phù hợp cũng làm giảm hao hụt mất mát từ đó làm giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Để xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu, kế toán cần xây dựng định mức lượng nguyên vật liệu và giá dự toán nguyên vật liệu.

Định mức lượng nguyên vật liệu có thể xây dựng theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{lượng NVL} \\ \text{cho 1 đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL} \\ \text{cần thiết để sản} \\ \text{xuất 1 đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{hao hụt} \\ \text{cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL tiêu} \\ \text{hao cho sản} \\ \text{phẩm hỏng cho} \\ \text{phép} \end{array} \quad (1.19)$$

Giá dự toán NVL của công ty căn cứ vào giá thực tế NVL của năm trước, kết quả khảo sát thị trường...

Từ đó, ta xác định được định mức chi phí nguyên vật liệu bằng công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{NVL cho 1 đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức lượng NVL} \\ \text{cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá dự} \\ \text{toán NVL} \end{array} \quad (1.20)$$

▼ Định mức chi phí nhân công trực tiếp

Để tính được định mức chi phí nhân công trực tiếp, kế toán phải tính được định mức giá nhân công trực tiếp và định mức lượng nhân công trực tiếp tham gia sản xuất một đơn vị sản phẩm.

Định mức giá nhân công trực tiếp bao gồm lương cơ bản, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản ngoài lương khác mà công nhân viên được hưởng. Việc xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp bằng công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{nhân công trực tiếp} \\ \text{cho 1 đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{nhân công trực} \\ \text{tiếp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá dự} \\ \text{toán công} \\ \text{nhân trực tiếp} \end{array} \quad (1.21)$$

▼ Định mức chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung trong Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc là chi phí phức tạp nhất. Do đó công ty cần xây dựng định mức chi phí sản xuất chung cho từng công đoạn sản xuất, công trình, HMCT theo hai loại định mức chi phí: định phí và biến phí.

Định mức định phí sản xuất chung và định mức biến phí chi phí sản xuất chung được xác định dựa vào định mức mức giá định phí chi phí sản xuất chung và định mức lượng chi phí sản xuất chung.

4.3.2.3. Hoàn thiện việc lập dự toán chi phí sản xuất

Dự toán chi phí sản xuất là việc làm không thể thiếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cụ thể là việc thi công các công trình và HMCT của công ty. Việc lập dự toán chi phí sản xuất được thực hiện theo yêu cầu của các nhà quản lý công ty và chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau, liên quan tới mục đích quản lý chung của toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm của công ty. Do vậy, lập dự toán chi phí sản xuất cần khoa học, hợp lý để các nhà quản lý công ty có được toàn bộ thông tin về kế hoạch chi phí sản xuất trong thời gian cụ thể. Do thực tế là tình hình lạm phát tăng nhanh do vậy đôi khi trong năm tính giá thành thực tế và giá thành kế hoạch còn chênh lệch nhau nhiều. Muốn dự toán chi phí chính xác và phù hợp phải phụ thuộc phần lớn vào các định mức chi phí mà công ty đã xây dựng và từ đó kế toán sẽ có cơ sở thực hiện hơn để lập kế hoạch dự toán cho các kỳ sản xuất tiếp theo. Các dự toán chi phí và tính giá thành bao gồm:

- Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- Dự toán chi phí sản xuất chung
- Dự toán sản lượng sản xuất

Các dự toán trên được xây dựng dựa trên số lượng sản phẩm sản xuất dự tính và định mức đã xây dựng của từng loại chi phí. Để kiểm soát và điều chỉnh kịp thời dự toán, sau mỗi tháng hoặc mỗi quý, kế toán cần xem xét lại những biến động về thị trường, nguyên nhân chủ quan, khách quan để đánh giá lại các dự toán có phù hợp với hiện tại không, nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế. Có như vậy các quyết định của công ty mới kịp thời, hiệu quả, mang tính hướng về tương lai của kế toán quản trị.

4.3.2.4. Thiết kế một số mẫu báo cáo phục vụ kế toán quản trị

Để phục vụ cho nhu cầu của kế toán quản trị, công ty nên xây dựng các mẫu báo cáo: Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo khoản mục, báo cáo giá thành sản phẩm.

Để xác định được từng yếu tố chi phí và tỷ trọng của nó trong tổng chi phí, các doanh nghiệp nên lập báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố theo mẫu sau:

Bảng 4.3: Bảng báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố
Công ty...

BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ
Tháng (quý, năm)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Các loại chi phí	Số tiền	Tỷ trọng
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
2	Chi phí nhiên liệu, động lực		
3	Chi phí tiền lương và phụ cấp		
4	Chi phí khấu hao TSCĐ		
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài		
6	Chi phí bằng tiền khác		
	Tổng cộng		

Nhờ có báo cáo này mà công ty có thể xác định được chi phí nào lớn nhất, nhỏ nhất, chiếm tỷ trọng bao nhiêu trong tổng chi phí. Từ đó giúp cho nhà quản lý trong công ty có quyết định quản lý tốt hơn các khoản chi phí.

Qua báo cáo này, các nhà quản lý biết được tỷ trọng các khoản mục chi phí trong tổng chi phí sản xuất giúp cho họ xác định được tầm quan trọng của từng khoản mục chi phí, xác định được khoản chi phí nào vượt quá định mức đã xây dựng từ đó có những quyết định hợp lý.

Tại công ty, kế toán chỉ lập bảng tính giá thành của từng công trình, HMCT, chưa biết được tổng quát giá thành cho tất cả các công trình, HMCT, tỷ trọng các khoản mục chi phí trong tổng chi phí từng khoản mục là bao nhiêu. Do vậy, kế toán nên lập báo cáo giá thành sản phẩm theo mẫu sau

Bảng 4.4 : Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo khoản mục
BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO KHOẢN MỤC

Tháng (quý, năm)

Đơn vị tính: Đồng

Các công trình, HMCT	Giá thành thực tế đơn vị	Chia theo các khoản mục					
		Khoản mục chi phí NVLTT		Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp		Khoản mục chi phí sản xuất chung	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Công trình trại giam Tân Lập							
Công trình nhà thi đấu Lao Động							
...							
....							
....							

4.4. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc

4.4.1. Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng

Nhà nước cần sớm phải hoàn thiện chính sách kinh tế đặc biệt là chính sách

tài chính, hoàn thiện chế độ kế toán sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam. Bộ tài chính xây dựng nhanh chóng hệ thống kế toán quản trị cho từng ngành, từng loại hình doanh nghiệp cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện làm cơ sở cho các doanh nghiệp nghiên cứu, vận dụng để quản lý tốt hoạt động kinh doanh của mình.

Nhà nước cần sửa đổi và bổ sung các văn bản luật và dưới luật quy định về đấu thầu chặt chẽ, hợp lý hơn. Hiện nay công tác đấu thầu trong các DN xây lắp còn nhiều bất cập: Các DN cạnh tranh nhau quyết liệt để đảm bảo thắng thầu, một số DN đã bỏ thầu với mức giá rất thấp, không hợp lý, nên không đảm bảo chất lượng công trình. Trong quá trình thi công, thấy rõ khả năng lỗi, các DN lại bỏ dở dang công trình và cuối cùng Nhà nước lại phải có biện pháp để công trình tiếp tục thi công, ... Có DN sau khi thắng thầu lại bán lại cho DN khác (DN không đủ điều kiện, năng lực dự thầu) gây ra nhiều rắc rối, phức tạp. Nhìn chung công tác đấu thầu bất cập như hiện nay khó đảm bảo chất lượng các công trình, hiệu quả đầu tư của Nhà nước.

Nhà nước cần cải tiến cơ chế thanh toán vốn xây dựng cơ bản (đặc biệt là vốn từ NSNN) theo hướng đơn giản hoá, tránh gây ra những tiêu cực trong khâu nghiệm thu, thanh quyết toán làm phát sinh những chi phí “chìm”. Vì các DN sẽ hợp thức hoá các khoản chi phí này trong giá thành sản phẩm, làm cho giá thành sản phẩm không chính xác, gây ra những sai lệch trong quyết định của những đối tượng sử dụng thông tin.

Bộ xây dựng và các cơ quan liên quan khi xây dựng đơn giá, định mức cho ngành xây lắp nên tính đến đặc thù của ngành để xây dựng đơn giá dự toán cho phù hợp. Định mức và đơn giá quá cao sẽ gây lãng phí về vốn, nếu quá thấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của nhà thi công và quyết định đến chất lượng công trình.

Các cơ quan quản lý Nhà nước cần ban hành thông báo giá vật tư hàng tháng, hàng quý trên sát với giá cả thị trường để khi áp dụng vào dự định được

duyet đảm bảo tính đủ chi phí nguyên vật liệu. Mặt khác, cũng cần ban hành kịp thời đơn giá nhân công, máy thi công, các thông tư điều chỉnh đơn giá tiền lương nhân công và máy thi công theo quy định của Nhà nước.

Cần có sự cải tiến chương trình và phương pháp đào tạo vào giảng dạy chuyên ngành kế toán ở các trường đại học, cao đẳng và trung học để cung cấp kiến thức kế toán một cách toàn diện cho các sinh viên học chuyên ngành kế toán. Bên cạnh kế toán tài chính, kế toán quản trị cũng phải được đào tạo theo hướng chuyên sâu như là một ngành ứng dụng trong thực tế.

4.4.2. Đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Lộc

Xây dựng mô hình tổ chức quản lý SXKD thích hợp nhằm thực hiện phân cấp quản lý trong từng phòng ban, tổ, đội của Công ty để nâng cao hiệu quả hạch toán Kế toán tài chính và Kế toán quản trị. Để đạt được điều đó Công ty cần thực hiện một số việc sau:

Công ty cần xây dựng các định mức khoán cho các đội tiên tiến, đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất.

Cần rà soát, đánh giá đội ngũ nhân viên kế toán một cách có hệ thống với nhiều tiêu chí cụ thể như: Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, độ tuổi, trình độ tin học, ngoại ngữ, quá trình thực thi nhiệm vụ... Trên cơ sở kết quả đánh giá đó, Công ty thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao trên cơ sở khuyến khích kế toán tự học, tự nghiên cứu. Định kỳ tổ chức cho kế toán tham dự các lớp tập huấn về chế độ tài chính kế toán tạo điều kiện cho họ tiếp cận, cập nhật thông tin liên quan đến chuyên môn từ đó triển khai áp dụng trong công việc của mình. Các nhân viên kế toán phải có kỹ năng kế toán thành thạo, phân tích, tổng hợp, khả năng toán học thành thạo để thực hiện các nghiệp vụ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhanh chóng đảm bảo hiệu quả, chính xác.

Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất hợp lý, có sự phân định rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận trong việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông

tin. Cần có cơ chế thưởng phạt rõ ràng đối với từng cá nhân, tập thể về ý thức thực hiện công tác kế toán chi phí và hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

Cán bộ quản lý và kế toán doanh nghiệp cần nhận thức được vai trò của Kế toán Quản trị, đặc biệt là Kế toán quản trị chi phí- giá thành trong công tác quản trị của doanh nghiệp.

Công ty cần nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách, chế độ kế toán hiện hành của Nhà Nước, có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn kế toán không những về kế toán tài chính mà cả về kế toán quản trị cho nhân viên kế toán của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với những người làm công tác kế toán quản trị cần phải đào tạo thêm nghiệp vụ xây dựng cơ bản.

Công ty cần nâng cấp phần mềm kế toán bằng phiên bản mới nhất, có nhiều tính năng, thuận tiện và đáp ứng được tình hình thực tế hiện nay. Như vậy sẽ làm cho công tác kế toán trở lên đơn giản, tiết kiệm lao động, thời gian đồng thời có thể đáp ứng được khối lượng thông tin lớn, đầy đủ, kịp thời, chính xác.

4.5. Những hạn chế trong khi nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc”

Đề tài mới chỉ dừng lại ở khía cạnh là nêu thực trạng cũng như giải pháp trong công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho công ty trong khi còn rất nhiều các yếu tố khác có thể làm ảnh hưởng tới chất lượng của hoạt động sản xuất kinh doanh như kế toán chi phí nguyên vật liệu đầu vào, công tác kế toán vốn bằng tiền...Nên đề tài cũng chỉ đem lại một số giải pháp nhất định để góp phần cho việc đi lên của công ty.

Đề tài nghiên cứu mới chỉ nêu ra được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của riêng Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc mà chưa đi sâu, mở rộng hướng nghiên cứu ra các công ty cùng ngành để từ đó có cái nhìn khái quát, toàn diện hơn nữa về thực trạng cũng như

giải pháp để tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng công trình trong toàn ngành xây lắp.

4.6. Những đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai

Để khắc phục những hạn chế trên, tác giả xin đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai:

Thứ nhất, nghiên cứu sâu hơn, rộng hơn để có thể khái quát được kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty nói riêng và của ngành xây dựng nói chung.

Thứ hai, thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách kế toán trong nước và quốc tế, bám sát định hướng, chiến lược của Công ty để đưa ra được mô hình phù hợp nhất với DN và các kết luận sát với thực trạng nhất để đáp ứng nhu cầu thông tin kế toán là đầy đủ, chính xác, kịp thời với những nhà quản trị DN và các đối tượng có liên quan.

Thứ ba, thực tế mô hình kế toán quản trị ở Công ty chưa có, do vậy trong phần giải pháp tác giả đã đề cập đến việc đưa mô hình kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị về CPSX và tính giá thành sản phẩm nói riêng trong Công ty. Đây là một yêu cầu bức thiết đặt ra đối với Công ty, vì thông tin của kế toán quản trị cung cấp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định đối với nhà quản trị DN ở từng thời điểm, trong từng thời kỳ.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế hội nhập với nền kinh tế quốc tế, bên cạnh các công cụ quản lý kinh tế, tài chính khác thì hạch toán kế toán là một công cụ quản lý đắc lực cho công tác quản trị DN, trong đó kế toán CPSX và tính giá thành SP là một khâu quan trọng. Tổ chức hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời là cơ sở cho DN giám sát, lập kế hoạch và phân tích tình hình biến động chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm đồng thời góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh của DN.

Qua khảo sát thực tế tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc luận văn đã giải quyết được một số nội dung sau:

Thứ nhất, luận văn đã trình bày được khái quát cơ sở lý luận kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Thứ hai, luận văn đã trình bày được thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc và qua đó đánh giá được những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong kế toán chi phí - giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty.

Thứ ba, luận văn đã trình bày được sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm trong công ty xây lắp và đưa ra nội dung cần hoàn thiện cũng như mô hình kế toán quản trị chi phí - giá thành nhằm tăng cường công tác quản trị chi phí - giá thành của Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc. Đồng thời với các giải pháp hoàn thiện luận văn đã nêu được kiến nghị về phía nhà nước và phía doanh nghiệp.

Với nội dung đã trình bày, luận văn cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính trong điều kiện hiện nay tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, giúp đỡ tận tình của cô giáo Hà Thị Thúy Vân, các thầy giáo, cô giáo trong khoa, trong trường, các anh chị, bạn bè đồng nghiệp công tác tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc đã giúp em

hoàn thành luận văn này. Tuy đã cố gắng nhưng luận văn của em không tránh khỏi những khiếm khuyết, những vấn đề giải quyết chưa được triệt để, em mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô giáo và các bạn đọc quan tâm để luận văn của em được hoàn thiện và có tính thực tiễn cao hơn và để em có hiểu biết sâu sắc hơn về đề tài mình đã chọn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Công (2013), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
2. Công ty cổ phần XD Hoàng Lộc, Nhật ký chung và sổ các TK 621, 622, 623, 627, 154 năm 2015.
3. Công ty cổ phần XD Hoàng Lộc , *Báo cáo tài chính từ 2013- 2015*
4. Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương (2007), *Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Phương Dung (K14) Đề tài luận văn thạc sĩ: “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Sông Đà*”. Trường đại học Kinh tế quốc dân.
6. Nguyễn Thị Đông (2014) *Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp*, nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
7. Trịnh Thu Huyền (K15) Đề tài luận văn thạc sĩ: “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc tổng công ty cổ phần xây dựng Thanh Hóa*”. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Trần Thị Ngọc Lan (K14) Đề tài luận văn thạc sĩ : “*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các công ty cổ phần xây lắp trên địa bàn thành phố Hà Nội*” Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
9. Đinh Thị Lê (K14) Đề tài luận văn thạc sĩ: “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty cổ phần xây dựng số 3 Hà Nội*”. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
10. Luận văn thạc sỹ năm 2014 của tác giả Lê Thị Hương: “ *Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn thành phố Hà Nội*”
11. Đề tài luận văn thạc sỹ năm 2013 của tác giả Nguyễn Ngọc Quỳnh: "*Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long*”

Phụ Lục

Phụ lục số 01**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****Mẫu số: 02 – VT****Phú Sơn - Thanh Hóa**(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 01 tháng 12 năm 2015

Số: 015/VL

Họ và tên người nhận: Phạm Văn Lâm

Nợ TK 621

Địa chỉ: Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

Có TK 152

Lý do xuất: Phục vụ công trình XD nhà thi đấu Lao Động

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên nhãn hiệu	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền (đồng)
			Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng	Tấn	20	20	1.060.000	21.200.000
2	Thép	Tấn	5	5	15.200.000	76.000.000
3	Cát đen	m ³	70	70	75.000	5.250.000
...						...
Cộng						102.450.000

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/ 2015)

Tổng số tiền: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Trưởng phòng**Thủ kho****Người nhận**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phụ lục số 02**BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ XUẤT DÙNG**

Công trình XD nhà thi đấu đầu đầu Lao Động

Quý IV: 2015

(Trích)

Chứng từ		Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền(đồng)
NT	SH					
01/12	015/VL	Xi Măng	Tấn	20	1.060.000	21.200.000
01/12	015/VL	Thép	Tấn	5	15.200.000	76.000.000
01/12	015/VL	Cát đen	m ³	70	75.000	5.250.000
	
		Cộng				5.125.680.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/2015)

Phụ lục số 03**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****Phú Sơn – Thanh Hóa****Mẫu số: 07 - VT****Ban hành theo TT số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của BTC))****BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, CCDC**

(Tháng 12/2015)

Ghi Có các TK Ghi Nợ các TK	TK 152	TK 153
TK 621- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	3.145.784.000	
- Phục vụ cho CT XD nhà thi đấu Lao Động	1.125.680.000	
.....
TK 627 – Chi phí sản xuất chung - 627(2) – Chi phí vật liệu - 627(3) – Chi phí dụng cụ sản xuất	1.854.120	1.787.756
TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp	980.000	
Tổng cộng	5.337.085.876	39.287.756

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 04**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 621**

(trích)

Quý IV năm 2015

TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày			PS Nợ	PS Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
015/VL	01/12	Xuất vật liệu cho Phạm Lân đội xây lắp	152	102.450.000	
017/VL	15/12	Mua vật liệu chuyển thẳng cho đội xây lắp	331	74.800.000	
018/VL	20/12	Xuất vật tư cho công trình XD nhà thi đấu Lao Động tháng 12	152	25.462.000	
		
	31/12	Kết chuyển sang TK 154	154		1.125.680.000
		Cộng phát sinh		1.125.680.000	1.125.680.000
		Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/2015)

Phụ lục 05**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc**

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SÔ CÁI TÀI KHOẢN 621

Trích: Quý IV năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
		
10/12	015/VL	01/12	Xuất vật liệu cho Phạm Văn Lân đội xây lắp			152	102.450.000	
20/12	017/VL	15/12	Mua vật liệu chuyển thẳng cho đội xây lắp			331	74.800.000	
25/12	018/VL	20/12	Xuất vật tư cho công trình XD nhà thi đấu Lao Động tháng 12			152	25.462.000	
			Kết chuyển sang TK 154			154		10.602.325.000
			Cộng phát sinh				10.602.325.000	10.602.325.000
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/2015)

Phụ lục Số 06

100

**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc
Đội xây lắp số 3 CT****BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Lương cấp bậc	Lương SP		Phụ cấp	Tổng số	Các khoản giảm trừ			Thực lĩnh
			Công	Thành Tiền			Tạm ứng	BHXH+ YT + TN	Tổng số	
Phạm Thế Anh	Tổ trưởng	2.040.000	23	3.450.000	400.000	5.890.000	1.500.000	500.650	2.000.650	3.889.350
Phạm Văn Thìn	Kỹ sư	2.000.000	18	3.240.000	300.000	5.540.000	1.000.000	470.900	1.470.900	4.069.100
Lê Văn Tiệp	Thợ kỹ thuật	1.968.000	21	2.730.000	150.000	4.848.000	1.300.000	412.080	1.712.080	3.135.920
Trần Long	Thợ nề	1.804.000	19	1.710.000		3.514.000	500.000	298.690	798.690	2.715.310
...		
Tổng cộng		31.150.100	420	53.620.000	850.000	85.620.100	9.720.000	4.752.000	14.472.000	71.148.100
Công nhân công ty		19.849.000		23.167.320	850.000	43.866.320	5.120.000	4.752.000	9.872.000	33.994.320
Công nhân thuê ngoài		11.301.100		30.452.680		41.753.780	4.600.000		4.600.000	37.153.780

Người lập biểu**Kế toán trưởng***(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/2015)*

Phụ lục số 07

**Công ty CP Xây Dựng Hoàng
Lộc**

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

Họ và tên	Bộ phận	Lương cấp bậc	Lương sản phẩm		Phụ cấp	Tổng số	Các khoản giảm trừ			Thực lĩnh
			Công	T. Tiền			TU	BHXH + YT + TN	Tổng số	
Tổ Phạm Lân	Đội XL số 01 CT XD nhà thi đấu Lao Động	22.768.100	205	24.600.000	300.000	47.368.100	7.820.000	4.026.289	11.846.289	35.521.812
Tổ Trần Long	Đội XL số 02 CT XN	28.926.300	225	27.000.000	450.000	55.926.300	8.200.000	4.753.736	12.953.736	42.972.565
Tổ Hoàng Bửu	Đội XL số 03 CT TC	33.069.170	420	50.400.000	600.000	83.469.170	12.530.000	7.094.879	19.624.879	63.844.291
....
Cộng		195.267.115	1.700	325.069.000	8.960.200	529.296.315	34.196.405	12.187.194	46.383.599	482.912.716

*Người lập biểu**Kế toán trưởng**Giám đốc*

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/2015)

Phụ lục Số 08
Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc

BẢNG TÍNH LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

STT	Bộ phận	Lương cơ bản	Lương thực tế	Các khoản trích theo lương				
				KPCĐ	BHXH	BHYT	BHTN	Tổng
1	Tổ Phạm Lâm đội XL số 01 CT XD nhà thi đấu Lao Động	22.768.100	47.368.100	947.362	3.642.896	683.043	227.681	5.500.982
2	Tổ Trần Long đội XL số 02 CT XN	28.926.300	55.926.300	1.118.526	4.628.208	867.789	289.263	6.903.786
3	Tổ Hoàng Bửu đội XL số 03 CT TC	33.069.170	83.469.170	16.693.834	52.910.672	9.920.751	3.306.917	82.832.174

	Cộng	195.267.115	529.296.315	8.403.165	68.724.130	12.458.911	4.258.690	93.844.896

Phụ lục số 09**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622**

(Trích)

Quý IV năm 2015

Tài khoản 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
20	31/12	Tính ra tiền lương đội XL số 01	334	35.521.812	
35	31/12	Tính ra tiền lương đội XL số 03	334	71.148.100	
	
		Kết chuyển sang TK 154	154		385.169.273
		Cộng phát sinh		385.169.273	385.169.273

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 10
Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 622

Trích: Quý IV năm 2015

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
20/12	20/NC	31/12/2015	Tính ra tiền lương đội XL số 01			334	35.521.812	
31/12	35/NC	31/12/2015	Tính ra tiền lương đội XL số 03			334	71.148.100	
			Kết chuyển CPNCTT sang TK 154			154		1.292.403.000
			Cộng phát sinh				1.292.403.000	1.292.403.000
			Dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Lộc - Tháng 12/2015)

Phụ lục số 11**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 623**

(Trích)

Quý IV năm 2015

Tài khoản 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
43/MTC	20/12	Thanh toán tiền thuê máy phục vụ CT XD nhà thi đấu Lao Động	111	53.467.000	
			
		Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	154		148.279.110
		Cộng phát sinh		148.279.110	148.279.110
		Số dư cuối kỳ			

*Người ghi sổ**Kế toán trưởng**(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)*

Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 623

Trích: Quý IV năm 2015

Tên TK: Chi phí sử dụng máy thi công

ĐV: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
20/12	43/MTC	20/12/2015	Thanh toán tiền thuê máy phục vụ CT XD nhà thi đấu Lao Động			111	53.467.000	
		
			Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công			154		452.531.400
			Cộng phát sinh				452.531.400	452.531.400
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 13**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627**

(Trích)

Quý IV năm 2015

Tên TK: Tài khoản chi phí sản xuất chung

Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
44	15/12/2015	Xuất vật liệu dùng cho quản lý đội xây dựng	152	854.120	
46	25/12/2015	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm phục vụ CT	111	1.238.000	
65	31/12/2015	Khấu hao TSCĐ tháng 12	214	7.487.709	
67	31/12/2015	Tính các khoản trích theo lương của công nhân	338	8.134.119	
		Kết chuyển chi phí SXC	154		208.367.389
		Cộng phát sinh		208.367.389	208.367.389
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 14
Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nơi sử dụng		TK 627	TK 642	Cộng
		Toàn DN				
		NG	Số KH			
1	Phương tiện vận tải	1.214.325.190	8.320.100	5.495.910	2.824.190	8.320.100
2	Máy móc thiết bị	9.579.320.180	166.425.366	110.486.250	55.939.116	166.425.366
3	Dụng cụ quản lý	52.432.000	2.145.230	1.125.230	1.020.000	2.145.230

	Cộng			152.463.367	64.458.000	176.921.367

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/ 2015)

Phụ lục số 15**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ**

(Trích)

Tháng 12 năm 2015

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có
SH	NT				
	15/12	Thanh toán tiền vận chuyển thép ra CT	1.250.000	627(8)	1111
	20/12	Thanh toán tiền mua chè, nước	190.000	627(8)	1111
	20/12	Thanh toán tiền tiếp khách phục vụ giao dịch	4.798.432	627(8)	1111
			
		Tổng cộng	115.107.000		

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/ 2015

Phụ lục số 16

Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 627

(Trích)

Quý IV năm 2015

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
20/12	44	15/12/2015	Xuất vật liệu dùng cho quản lý đội XD nhà thi đấu Lao Động			152	854.120	
		
31/12	68	31/12/2015	Tính chi phí dịch vụ mua ngoài tháng 12			331	3.798.432	
31/12	65	31/12/2015	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12 phục vụ thi công			214	152.463.367	
31/12	75	31/12/2015	Chi phí khác bằng tiền			1111	115.107.000	
31/12	67	31/12/2015	Tính các khoản trích theo lương của CN trực tiếp xây lắp			338	93.844.896	
			Kết chuyển CP SXC			154		940.749.123
			Cộng phát sinh				940.749.123	940.749.123

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/ 2015)

Phụ lục số 17**BẢNG TẬP HỢP CHI PHÍ SXC**

Tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí tiền lương bộ phận quản lý đội và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp	257.423.127
2	Chi phí vật liệu phục vụ quản lý đội	72.183.069
3	Chi phí công cụ phục vụ đội thi công	61.514.030
4	Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ thi công CT	152.463.367
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.107.000
6	Chi phí bằng tiền khác	145.976.530
	Tổng	940.749.123

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/ 2015)

Phụ lục số 18**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154**

(Trích)

Quý IV năm 2015

Đối tượng: Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

ĐVT: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	621	1.125.680.000	
	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT	622	385.169.273	
	31/12	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	623	148.279.110	
	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	627	208.367.389	
	31/12	Kết chuyển giá thành thực tế công trình	911		1.867.495.772
		Cộng phát sinh		1.867.495.772	1.867.495.772

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 19

Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT- BTC ngày
22/12/2014 của BTC)

Mẫu số S03a-DN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG TÀI KHOẢN 154

Năm 2015

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số cái		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12		31/12/2015	Kết chuyển CP NVLTT			621	10.602.325.000	
31/12		31/12/2015	Kết chuyển CP NCTT			622	1.292.403.000	
31/12		31/12/2015	Kết chuyển CP SDMTC			623	452.531.400	
31/12		31/12/2015	Kết chuyển CP SXC			627	940.749.123	
31/12		31/12/2015	Kết chuyển sang TK 911			911		4.241.156.000
			Cộng phát sinh				13.288.008.523	4.241.156.000
			Số dư cuối kỳ				9.046.852.523	

gười lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/ 2015)

Phụ lục số 20**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
(Trích Quý IV năm 2015)

Đơn vị tính: Đồng.

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
01/12	015/VL	01/12	Xuất vật liệu cho Phạm Lâm đội xây lắp	v		621 152	102.450.000	102.450.000
20/12	017/VL	15/12	Mua vật liệu chuyển thẳng ra công trường	v		621 133 331	68.000.000 6.800.000	74.800.000
							
31/12	20/NC	31/12	Tính ra tiền lương đội xây lắp số 1 CT XD nhà thi đấu Lao động	v		622 334	35.521.812	35.521.812
31/12	35/NC	31/12	Tính ra tiền lương đội xây lắp số 3 CT nhà thi đấu Lao động	v		622 334	71.148.100	71.148.100
31/12	43/MTC	20/12	Thanh toán tiền thuê máy phục vụ CT XD nhà thi đấu Lao động	v		623 111	53.467.000	53.467.000
31/12	44	15/12	Xuất vật liệu dùng cho quản lý đội XD nhà thi đấu Lao động	v		627 152	854.120	854.120
31/12	57	31/12	Tính chi phí vật liệu, CC dùng cho sản xuất	v		627 152 153	64.641.876	25.354.120 39.287.756
31/12	68	31/12	Tính chi phí dịch vụ mua ngoài tháng 12	v		627 133 331	3.453.120 345.312	3.798.432
31/12	65	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12 phục vụ thi công	v		627 214	152.463.367	152.463.367
31/12	67	31/12	Tính các khoản trích theo lương của CN XL	v		627 338	93.844.896	93.844.896
			Cộng chuyển trang sau				550.539.594	550.539.594

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/ 2015)

Phụ lục số 21**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
(Trích Quý IV năm 2015)

Đơn vị tính: Đồng.

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	STT dòng	SH TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				550.539.594	550.539.594
31/12	75	31/12	Chi phí khác bằng tiền	v		627 1111	115.107.000	115.107.000
							
		31/12	Kết chuyển CPNVLTT	v		154 621	10.602.325.000	10.602.325.000
		31/12	Kết chuyển CPNCTT	v		154 622	1.292.403.000	1.292.403.000
		31/12	Kết chuyển CPSDMT	v		154 623	452.531.400	452.531.400
		31/12	Kết chuyển CPSXC	v		154 627	940.749.123	940.749.123
		
			Cộng chuyển sang trang sau			

Người ghi sổ
(Đã ký)**Kế toán trưởng**
(Đã ký)**Giám đốc**
(Đã ký, đóng dấu)

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 22**Công ty CP Xây Dựng Hoàng Lộc****PHIẾU TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Tên sản phẩm: Công trình XD nhà thi đấu Lao Động

(Trích)

Quý IV năm 2015

ĐVT: đồng

Khoản mục chi phí	Chi phí xây lắp dở đầu kỳ	Chi phí xây lắp phát sinh trong kỳ	Chi phí xây lắp dở dang cuối kỳ	Giá thành sản phẩm
Chi phí NVLTT		1.125.680.000		1.125.680.000
Chi phí NCTT		385.169.273		385.169.273
Chi phí SDMTT		148.279.110		148.279.110
Chi phí SXC		208.367.389		208.367.389
Cộng		1.867.495.772		1.867.495.772

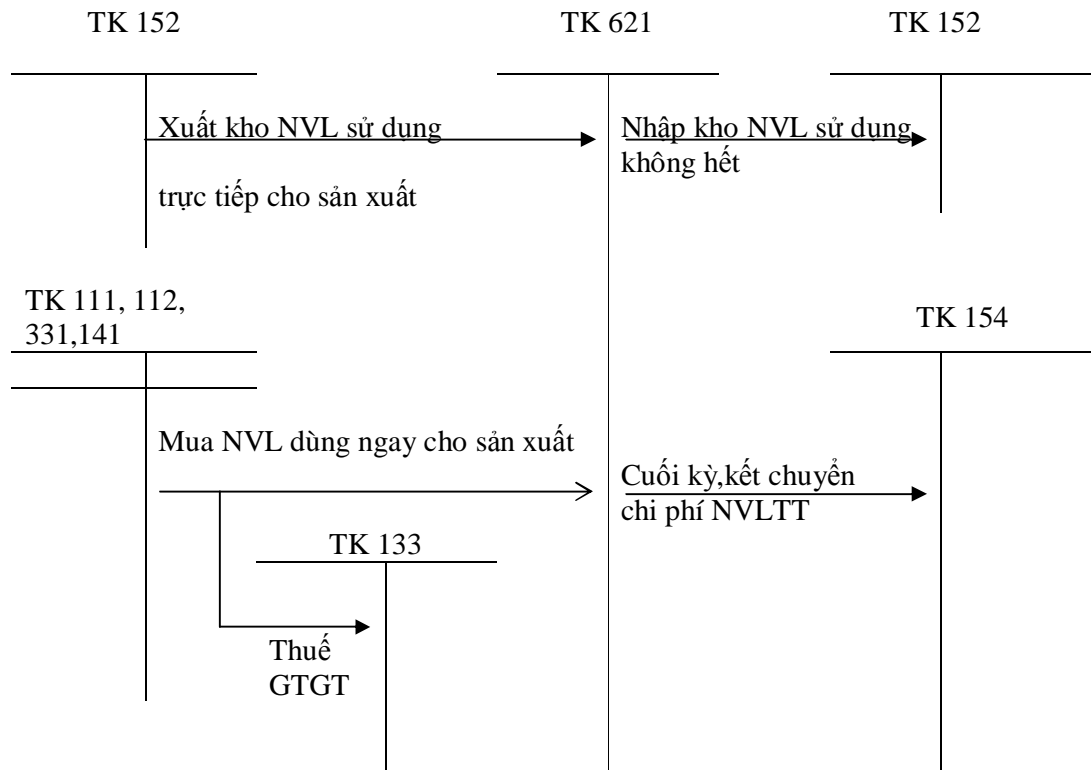
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn Công Ty cổ phần Xây Dựng Hoàng Lộc- Tháng 12/2015)

Phụ lục số 23

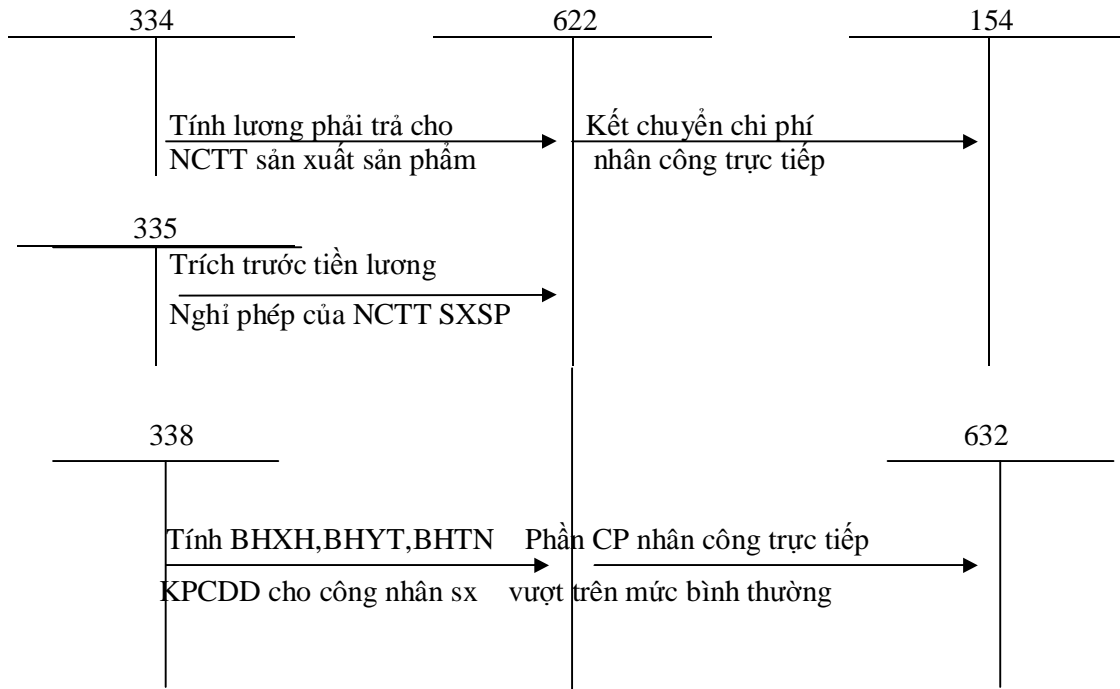
Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)



Phụ lục số 24

Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp

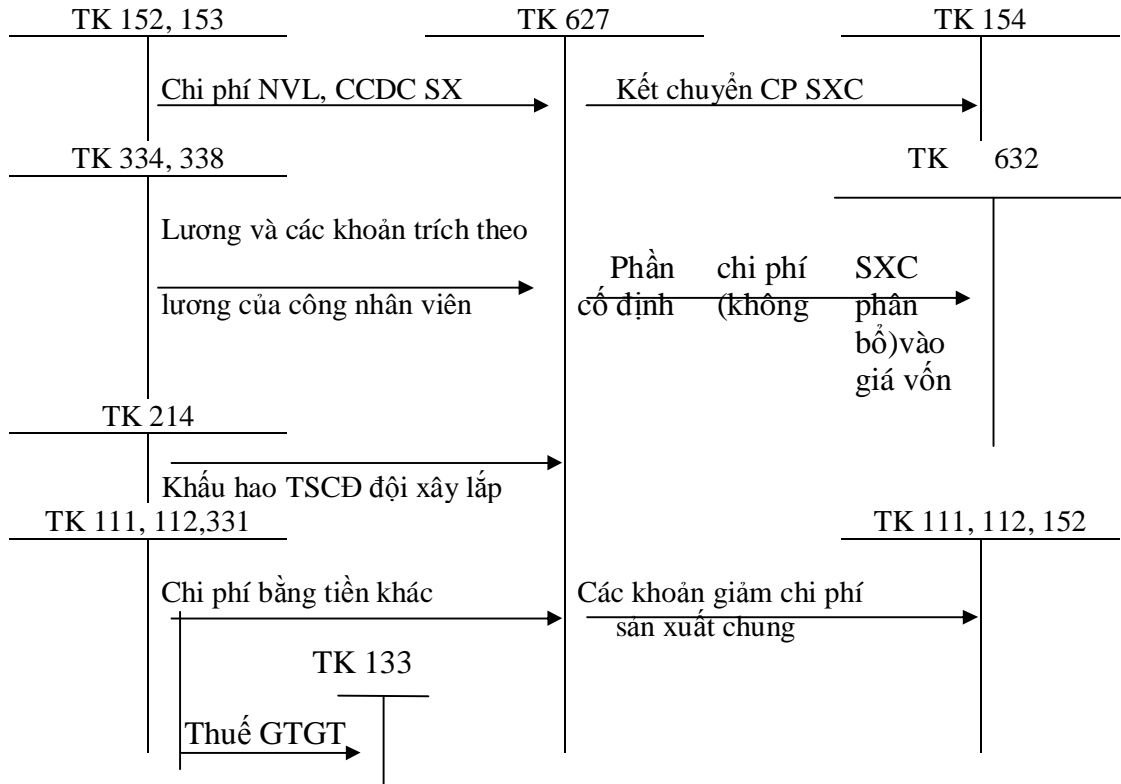
(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)



Phụ lục số 25

Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung

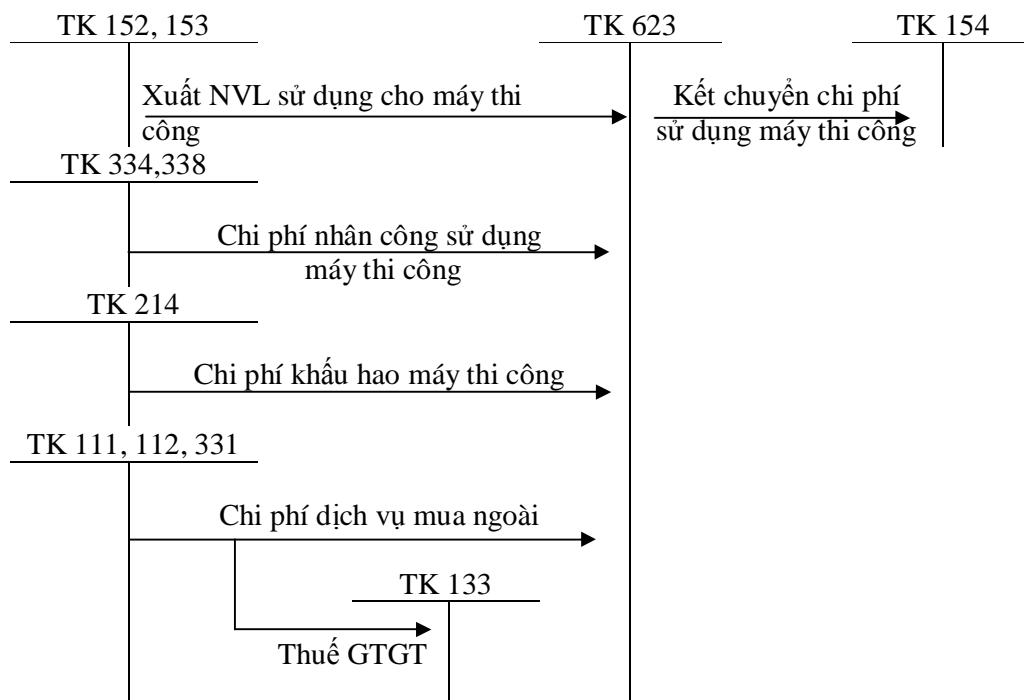
(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)



Phụ lục số 26

Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công (trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng)

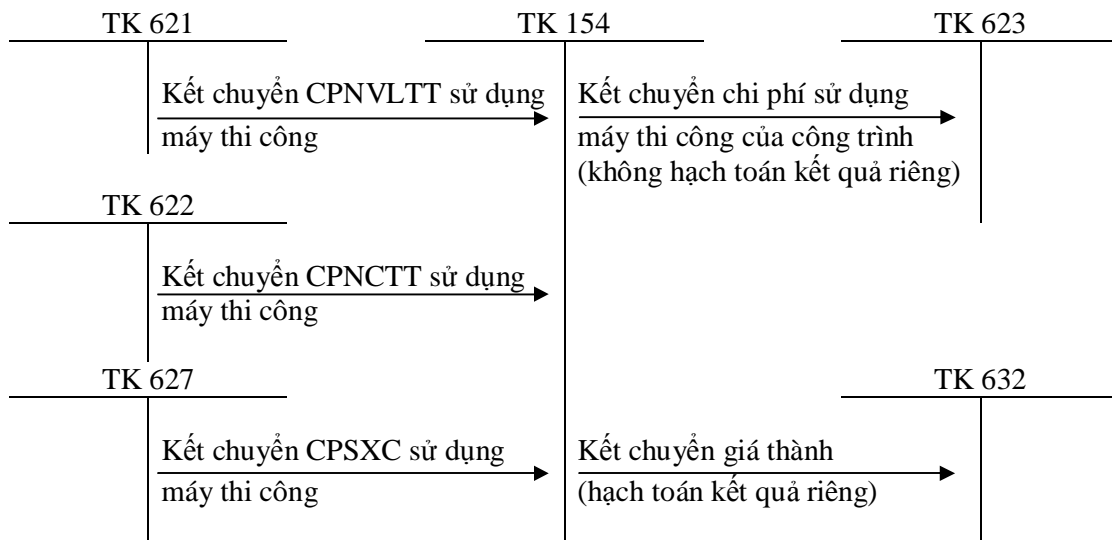
(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)



Phụ lục số 27

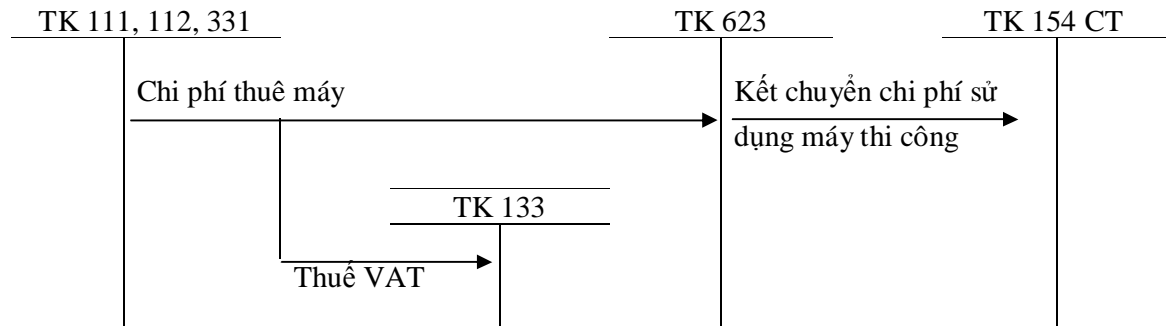
**Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công
(trường hợp doanh nghiệp xây lắp có tổ chức bộ máy thi công
riêng)**

(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)



Phụ lục số 28

**Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công
(trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài)**
(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)



Phụ lục số 29

Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

(Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài chính)

